

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003 và Giấy phép điều chỉnh số 332/UBCK-GP cấp ngày 11 tháng 06 năm 2010)

CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 77/UBCK-GCN..... do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 7, năm 2011)



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Lầu 1,2&3 Cao ốc Capital Place

Số 06 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện Thoại: (08) 3823 3299 – **Fax:** (08) 3823 3301

Tháng 5 năm 2011

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

ÔNG JOHAN NYVENE – TỔNG GIÁM ĐỐC

(Điện thoại: 0903948902 – Fax: (08) 3823 3301)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003
và Giấy phép điều chỉnh số 332/UBCK-GP cấp ngày 11 tháng 06 năm 2010)

CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng / cổ phiếu

Tổng số lượng chào bán dự kiến: 39.894.627 cổ phiếu

Chào bán toàn bộ cho cổ đông hiện hữu: 39.894.627 cổ phiếu với tỷ lệ phân bổ quyền mua là 3:2, giá chào bán 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu;

Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá): 398.946.627.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84) 8. 3821 9266 **Fax**(+84) 8. 3821 9267

Website : www.ey.com

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG GIÁ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN.....	5
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV.	TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2.	Giới thiệu công ty	10
3.	Cơ cấu tổ chức	12
4.	Danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông	18
5.	Danh sách công ty mẹ, công ty con của tổ chức niêm yết	19
6.	Hoạt động kinh doanh	19
6.1.	Các dịch vụ chính	19
6.2.	Doanh thu	19
6.3.	Chi phí hoạt động	22
6.4.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	23
6.5.	Trình độ công nghệ tin học	24
6.6.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	24
6.7.	Tình hình kiểm tra tuân thủ luật pháp và kiểm soát nội bộ	24
6.8.	Hoạt động marketing	25
6.9.	Nhãn hiệu thương mại	25
6.10.	Các hợp đồng lớn đã được thực hiện hoặc ký kết	25
7.	Kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất	26
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2009, 2010 và Q1/2011.....	26
7.2	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.....	27
7.3	Những thành tựu đạt được trong năm 2010.....	28
8.	Vị thế công ty trong ngành	29
8.1	Vị thế của công ty trong ngành.....	29
8.2	Triển vọng ngành.....	32
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của HSC với định hướng của ngành, chính sách nhà nước, và xu thế chung của thế giới	34
9.	Chính sách đối với người lao động	37
10.	Chính sách cổ tức	38

11. Tình hình hoạt động tài chính	39
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, Kế toán trưởng	42
13. Tài sản	53
14. Kế hoạch hoạt động, lợi nhuận và cổ tức năm 2011.....	55
15. Những cam kết chưa thực hiện	57
16. Các tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán chào bán.....	57
V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN.....	58
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	62
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	63
VI. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN.....	64

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. RỦI RO KINH TẾ

Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó có liên quan chặt chẽ đến sự phát triển của nền kinh tế và các chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam phát triển sẽ mang lại phản ứng tích cực cho thị trường chứng khoán và ngược lại nền kinh tế chậm phát triển sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của các doanh nghiệp làm giảm tiếp ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán tăng trưởng sẽ mang lại giá trị giao dịch chứng khoán tăng cao và doanh thu phí môi giới chứng khoán của các công ty chứng khoán cũng tăng và ngược lại.

Rủi ro thị trường chứng khoán còn liên quan đến biến động của giá chứng khoán và biến động lãi suất. HSC dành một phần vốn chủ sở hữu để đầu tư tự doanh gồm nhiều loại cổ phiếu và trái phiếu. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt và ổn định, giá cổ phiếu có xu hướng tăng.

HSC không đầu tư và thanh toán bằng vàng và ngoại tệ. Toàn bộ giao dịch của HSC dựa trên cơ sở đồng Việt Nam. HSC không chịu rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

2. RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động chứng khoán, thị trường vốn, cổ phần hóa, hay luật thuế. Các rủi ro này ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

Hoạt động của các chủ thể trên TTCK Việt Nam, trong đó có Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, Luật thuế Thu nhập cá nhân, và các luật có liên quan. Tồn tại những rủi ro do các văn bản luật hoặc hướng dẫn chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc sự thay đổi luật.

3. RỦI RO HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG

Khi HSC cam kết bảo lãnh phát hành chứng khoán chắc chắn, thiệt hại có thể xảy ra khi giá thị trường của chứng khoán được bảo lãnh giảm sau thời điểm cam kết. Khi đến hạn phát hành, HSC phải mua lại chứng khoán tại mức giá cam kết cao hơn giá thị trường.

4. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Thiệt hại có thể xảy ra khi nhân viên môi giới nhập sai lệnh của khách hàng. HSC đã thiết lập Bộ phận Kiểm soát Nội bộ để kiểm tra việc tuân thủ quy trình nhập lệnh và tổ chức huấn luyện cho nhân viên nhằm giảm thiểu sai sót. HSC lưu trữ các thông tin giao dịch dưới dạng

băng ghi âm, phiếu lệnh, hợp đồng, và dữ liệu điện tử để làm bằng chứng trong quá trình các tranh chấp với khách hàng.

Thiệt hại xảy ra khi số liệu trong hệ thống giao dịch và kế toán bị phá hủy, bị sai lệch, hoặc không liên tục sẵn sàng. HSC thực hiện các biện pháp hạn chế rủi ro hoạt động như: bảo mật mạng máy tính, thực hiện sao lưu dữ liệu hàng ngày, sao lưu hàng ngày và lưu trữ dữ liệu ở nhiều nơi khác nhau.

5. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

a. Rủi ro biến động giá

Rủi ro biến động giá trên thị trường là điều không thể tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung – cầu cổ phiếu, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tình hình kinh tế xã hội chung theo từng thời điểm, sự thay đổi qui định pháp luật về chứng khoán. Yếu tố tâm lý nhà đầu tư cũng rất quan trọng đến giá chứng khoán trên thị trường.

b. Rủi ro không phát hành hết cổ phiếu

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu như dự kiến ban đầu không bán hết, Hội đồng quản trị Công ty sẽ quyết định phân phối số cổ phiếu còn lại cho các đối tượng khác đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Đối với rủi ro về nguồn vốn trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ số vốn cần thiết, HSC sẽ sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty cũng như sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng để triển khai các kế hoạch kinh doanh.

6. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU

Khi Công ty chốt danh sách cổ đông để thực hiện chào bán cổ phiếu, tất yếu dẫn đến việc loãng giá cổ phiếu của HSC trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do HSC đã cố định mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu nên nhà đầu tư có thể dự tính được mức độ loãng giá của cổ phiếu HSC.

Số cổ phần đang lưu hành (CPDLH) của HSC là 59.841.941 cổ phần. HSC dự kiến phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:2 là 39.894.627 cổ phần sẽ nâng số lượng cổ phần lưu hành của Công ty lên 99.736.568 cổ phần. Việc tăng số lượng cổ phần lưu hành dẫn đến việc

điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu HCM đã được niêm yết tại SGDCK TP.HCM tại ngày giao dịch không hưởng quyền (GDKHQ) theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá cổ} \\ \text{phiếu pha} \\ \text{loãng sau} \\ \text{khi phát} \\ \text{hành thêm} \end{array} = \frac{(\text{Số CPĐLH} \times \text{Giá đóng cửa trước ngày GDKHQ}) + (\text{Số CP phát hành thêm} \times \text{Giá phát hành})}{\text{Số CP đã phát hành} + \text{Số CP phát hành thêm}}$$

Ví dụ: Giá sử giá cổ phiếu HCM vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 24.000 đồng/cổ phần, giá phát hành là 10.000 đồng/ cổ phần. Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu (giá pha loãng) của cổ phiếu HCM sẽ được điều chỉnh như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá cổ phiếu} \\ \text{pha loãng} \end{array} = \frac{(59.841.941 \times 24.000) + (39.894.627 \times 10.000)}{59.841.941 + 39.894.627} = 18.380 \text{ đồng/ cp}$$

Mặt khác, việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm tăng số cổ phần phổ thông đang lưu hành. Do vậy, nếu như việc sử dụng vốn đầu tư kém hiệu quả hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty không được thuận lợi... sẽ có nguy cơ làm sụt giảm lợi nhuận trên một cổ phần (EPS). Khi EPS giảm sẽ tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường. Mặt khác, việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm gia tăng nguồn cung trên thị trường. Khi cung tăng thì giá cổ phiếu sẽ có xu hướng giảm.

7. CÁC RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác bao gồm cháy nổ, ngập nước, động đất có thể gây hư hỏng cho tòa nhà văn phòng công ty và làm gián đoạn các giao dịch.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Võ Văn Châu	Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông **Lâm Hữu Hồ**

Kế Toán trưởng.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do những người chịu trách nhiệm nêu trên và Phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp của HSC soạn thảo. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên dữ liệu thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách có hệ thống.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Bản cáo bạch - Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

Cổ phần - Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

Cổ phiếu - Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.

Cổ đông - Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Cổ tức - Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch

HSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HCM	Mã chứng khoán được giao dịch trên HOSE của HSC
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HFIC	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM
TTCK	Thị trường chứng khoán
NHNN	Ngân hàng nhà nước

BCTC	Báo cáo tài chính
TSCĐ	Tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh
OTC	Thị trường giao dịch chứng khoán tự do

IV. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

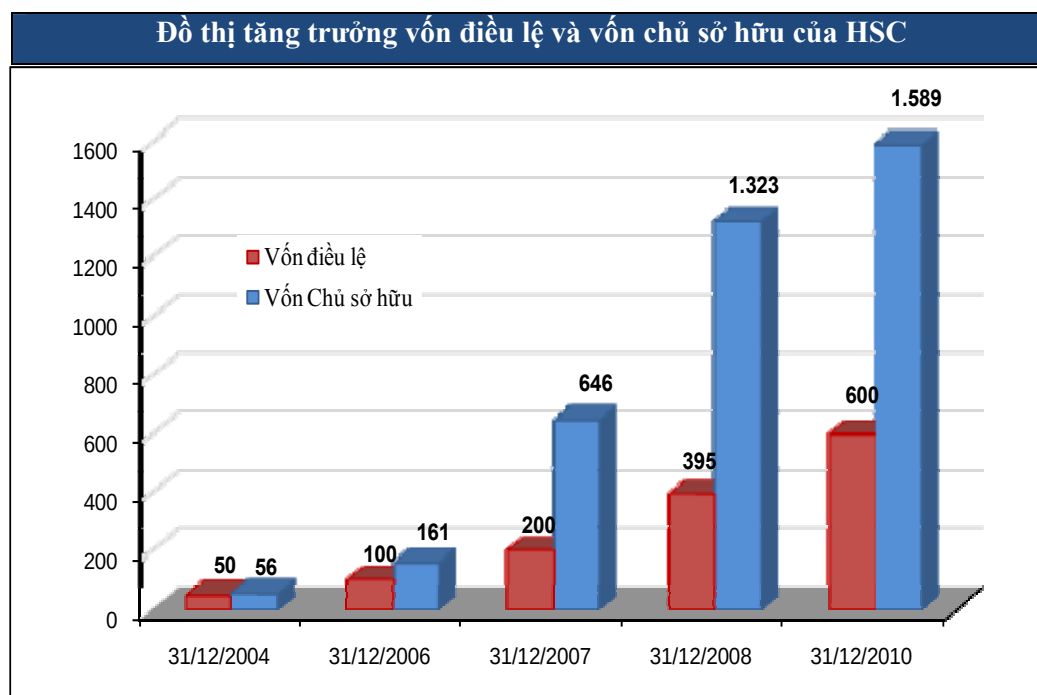
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HSC được thành lập ngày 23/04/2003 theo Giấy phép hoạt động số 4103001573/GPHĐKD của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. Đến 31/12/2010, HSC có vốn điều lệ gần 600 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu 1.589 tỷ đồng. Các cột mốc chính trong quá trình hoạt động của công ty:

- 04-2003** Thành lập với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.
- 10-2006** HSC tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng từ việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 50 tỷ đồng. Trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu là 40 tỷ đồng và phát hành cho cán bộ công nhân viên là 10 tỷ đồng.
- 09-2007** HSC tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng từ việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ đồng. Trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu là 54 tỷ đồng và phát hành cho cổ đông chiến lược là 46 tỷ đồng.
- 10-2007** Chi nhánh Hà Nội được thành lập và đi vào hoạt động.
- 06-2008** HSC tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 395 tỷ đồng từ việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 195 tỷ đồng. Trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu là 150 tỷ đồng, cho cán bộ công nhân viên 5 tỷ đồng và cho cổ đông chiến lược là 40 tỷ đồng. Kết quả của đợt phát hành như sau:

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đ/cp)	Số lượng CP được phân phối	Số người đăng ký mua	Số tiền thu được (đồng)
1. Người lao động trong DN	30.000	463.400	119	13.902.000.000
2. Cổ đông hiện tại:				
- Phát hành CP thưởng tỷ lệ 20:1		999.950	514	-
- Phát hành thêm	30.000	13.987.945	510	419.638.350.000
3. Nhà đầu tư chiến lược	68.000	4.012.105	7	272.823.140.000
Tổng số		19.463.400		706.363.490.000

- 08-2008** Giới thiệu hệ thống giao dịch mới và dịch vụ giao dịch internet.
- 05-2009** HSC niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán giao dịch là HCM.
- 01-2010** HSC tăng vốn điều lệ từ 395 tỷ đồng lên 591,6 tỷ đồng từ việc phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1.
- 03-2010** HSC phát hành 836.900 cổ phiếu thưởng cho CBCNV để tăng vốn điều lệ từ 592,2 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng.
- 01-2011** HSC được bình chọn là công ty chứng khoán số 1 Việt Nam về môi giới và nghiên cứu thị trường trong năm 2010 (Giải thưởng bình chọn Exel Asia 2010 được tổ chức bởi Thomson Reuters).



(Nguồn: HSC, đơn vị tính: tỷ đồng)

2. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin về Công ty

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Chứng khoán T.phố Hồ Chí Minh
Tên tiếng Anh	: Ho Chi Minh City Securities Corporation
Tên viết tắt	: HSC

Biểu tượng công ty



Vốn điều lệ

: 599.996.860.000 đồng

(Năm trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng)

Trụ sở chính

: Lầu 1,2&3 Cao ốc Capital Place số 6 Thái Văn Lung,
Quận 1 TP. HCM

Điện thoại

: (84 - 8) 3823 3299 - Fax (84 - 4) 3823 3301

01 Chi nhánh Hà Nội

: 6 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email

: hsc@hsc.com.vn

Website

: www.hsc.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ: Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

Thời hạn hoạt động

Không giới hạn.

Tổng quan về HSC

HSC là công ty chứng khoán chuyên nghiệp có uy tín và được công nhận ở Việt Nam- một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất Châu Á. Công ty cung cấp các dịch vụ tài chính cho các khách hàng tổ chức và cá nhân, các dịch vụ tư vấn đầu tư toàn diện dựa trên những nghiên cứu có cơ sở và đáng tin cậy. HSC đã đạt được những thành công đáng ghi nhận trong việc kết nối các doanh nghiệp với các nhà đầu tư cũng như tạo được các mối quan hệ đối tác lâu dài đối với khách hàng thuộc khối dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp.

HSC không ngừng trau dồi năng lực chuyên môn chính như Nghiên cứu, Công nghệ và Nguồn nhân lực để tạo điều kiện phát triển mới và hoàn thiện những dịch vụ tài chính như cung cấp vốn, sáp nhập & chuyển nhượng và bảo lãnh phát hành, với trọng tâm xây dựng quan hệ và cung cấp những sản phẩm có giá trị cộng thêm, qua đó phát triển qui mô Công ty dựa trên những nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tầm nhìn và sứ mệnh

Tầm nhìn: HSC phấn đấu trở thành công ty đứng đầu trong ngành và thị trường chứng khoán

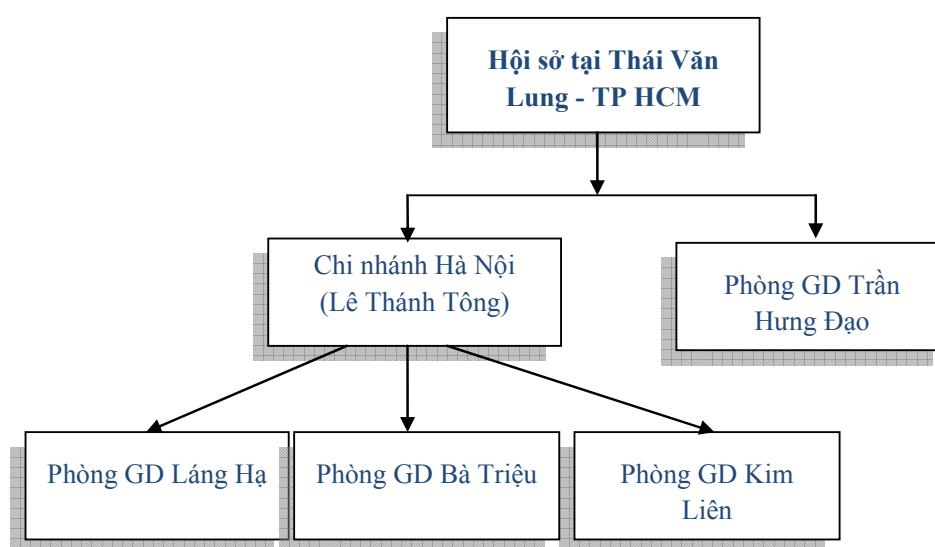
Việt Nam, trở thành định chế tài chính được tin cậy nhất, được đánh giá cao nhất và đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của các thị trường vốn tại Việt Nam.

Sứ mệnh: Để đạt được mục tiêu đề ra, HSC tạo ra sự khác biệt với một đẳng cấp nổi trội, nâng cao tính chuyên nghiệp, sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và sự gắn kết nhân bản.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu bộ máy tổ chức của HSC bao gồm: Hội sở chính, chi nhánh Hà Nội, và 6 phòng giao dịch. Chi nhánh Hà Nội được tổ chức thành các phòng ban giống như hội sở chính và các phòng ban của chi nhánh Hà Nội được kiểm soát bởi các phòng ban của Hội sở chính.

Sơ đồ tổ chức:



Trụ sở chính

Tổng Giám đốc : Johan Nyvene

Địa chỉ : Lầu 1,2 & 3 Cao ốc Captial Place, Số 6 Thái Văn Lung, Q.1 TP. HCM

Điện thoại : (08) 3382 3399 Fax : (08) 3823 3301

Chi nhánh Hà Nội

Giám đốc chi nhánh : Bạch Quốc Vinh

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (04) 3933 4693 Fax : (04) 3933 4822

Phòng GD Trần Hưng Đạo

Phụ trách : Trương Hiền Phương
Địa chỉ : Số 569-573 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP HCM
Điện thoại : (08) 3836 4189 Fax : (08) 3836 4198

Phòng GD Láng Hạ

Phụ trách : Trần Khánh
Địa chỉ : 17 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : (04) 3 514 9520 Fax : (04) 3 5149521

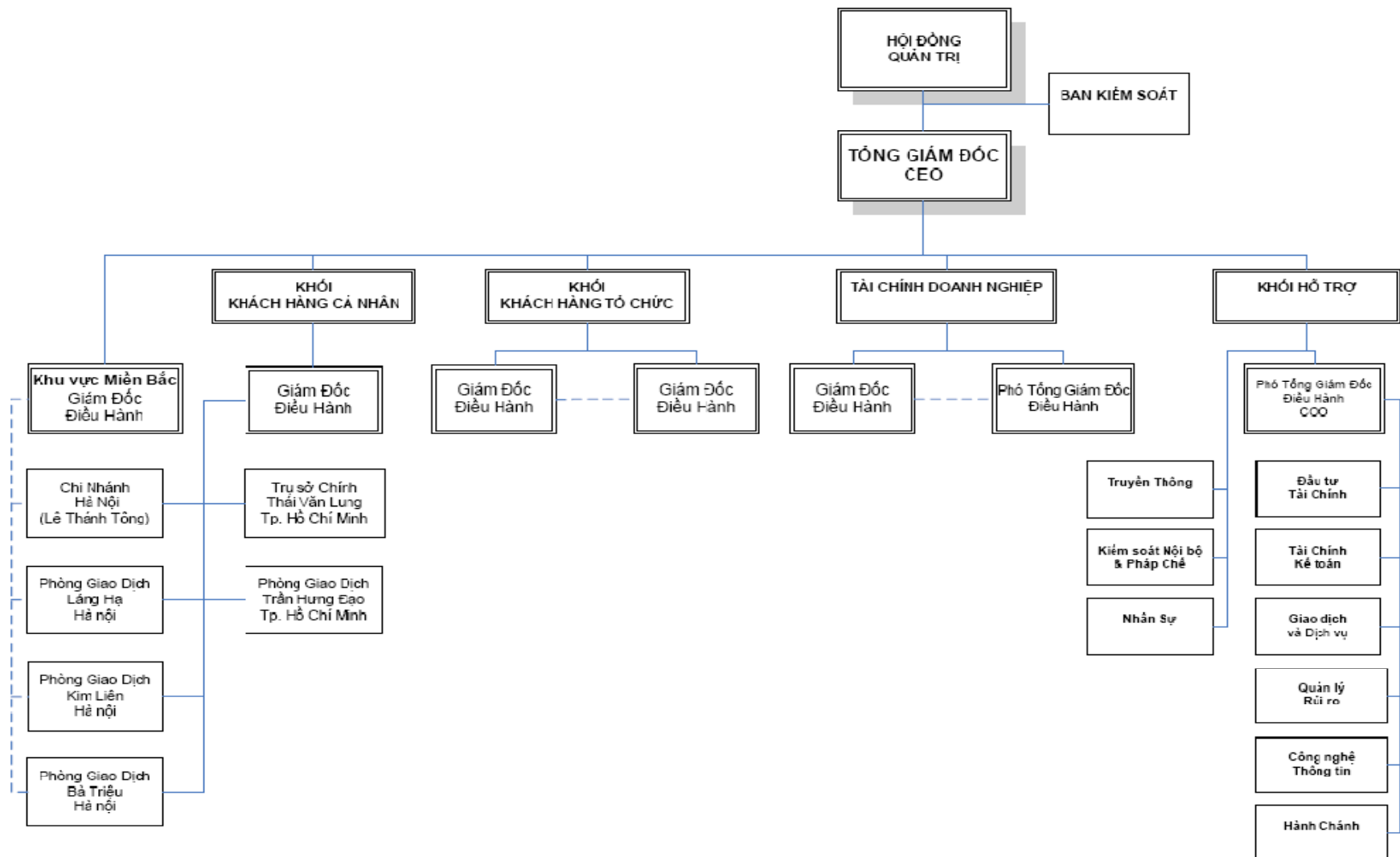
Phòng GD Bà Triệu

Phụ trách : Hồ Đức Thắng
Địa chỉ : 193C Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 3 9748 748 Fax : (04) 3 9748 540

Phòng GD Kim Liên

Phụ trách : Nguyễn Hữu Thịnh
Địa chỉ : Tầng 2, Toà nhà P14, Phạm Ngọc Thanh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (04) 3 5745599 Fax : (04) 3 5745959

Sơ đồ bộ máy quản lý HSC:



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. Hội đồng quản trị hiện tại có 7 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty; trong việc tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và của mỗi thành viên là 5 năm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc, ông Johan Nyvene, là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Về tổng quan HSC được chia ra thành hai nhóm: nhóm các bộ phận tạo ra doanh thu và nhóm các bộ phận hỗ trợ.

Nhóm các bộ phận tạo ra doanh thu:

Bộ phận Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Bộ phận Tài chính Doanh nghiệp có chức năng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính mang tính chiến lược đối với các doanh nghiệp. Bộ phận này có 5 mảng hoạt động:

Thị trường vốn cổ phần (ECM)

Tư vấn cổ phần hóa ; tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng; tư vấn niêm yết chứng khoán

Thị trường nợ (DCM)

Tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp gồm trái phiếu trơn và trái phiếu chuyển đổi.

Mua bán sáp nhập/ phát hành chứng khoán riêng lẻ (M&A)

Tư vấn đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức; Tư vấn phát hành riêng lẻ và tư vấn tìm đối tác chiến lược.

Các dịch vụ tài chính doanh nghiệp khác (CFS)

Tư vấn định giá doanh nghiệp, tư vấn tái cấu trúc tài chính và các tư vấn khác....

Bảo lãnh:

Bảo lãnh phát hành và phân phối cổ phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp; thực hiện đấu thầu và bảo lãnh phát hành trái phiếu một số ngân hàng thương mại.

Bộ phận Đầu tư Tài chính

Bộ phận Đầu tư Tài chính có chức năng quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư tự doanh được sử dụng nguồn vốn của công ty.

Bộ phận Kinh doanh Môi giới Khách hàng Cá nhân

Bộ phận này có chức năng môi giới cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu OTC cho khách hàng cá nhân. Có đội ngũ chuyên viên môi giới và chuyên viên quản lý tài khoản khách hàng cho các nhà đầu tư.

Bộ phận kinh doanh môi giới khách hàng tổ chức

Cuối năm 2010, Công ty đã sát nhập Phòng Môi giới khách hàng tổ chức và Phòng nghiên cứu thành Khối khách hàng tổ chức. Việc tái cấu trúc này sẽ giúp các chuyên viên phân tích phối hợp trực tiếp với các chuyên viên quản lý khách hàng tổ chức để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu cụ thể của từng khách hàng.

Chuyên viên môi giới Khách hàng Tổ chức

Chuyên viên này có chức năng môi giới cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu OTC và trái phiếu cho các tổ chức tài chính và các công ty. Chuyên viên này quản lý các tài khoản của các khách hàng tổ chức, cung cấp các dịch vụ cho khách hàng như: làm thủ tục mở tài khoản, nhận lệnh, xác nhận giao dịch, phát triển tài khoản mới. Ngoài ra còn cung cấp cho khách hàng các sản phẩm phân tích do HSC thực hiện để tư vấn đầu tư cho khách hàng.

Chuyên viên phân tích

Các chuyên viên phân tích viết các báo cáo phân tích và nghiên cứu nhằm phục vụ cho các Khách hàng Tổ chức và Khách hàng Cá nhân. Hiện nay, HSC có 6 loại báo cáo thường kỳ :

- Báo cáo phân tích Kinh tế vĩ mô;
- Báo cáo phân tích công ty cơ bản;
- Báo cáo phân tích công ty cập nhật;
- Báo cáo chiến lược;
- Báo cáo phân tích ngành;
- Bản tin ngày HSC.

Nhóm các bộ phận hỗ trợ :

Bộ phận Dịch vụ - Giao dịch Môi giới

Phòng Dịch vụ Môi giới: Dịch vụ quản lý tài khoản khách hàng cá nhân; dịch vụ lưu ký chứng khoán, quản lý cổ đông; dịch vụ tài trợ giao dịch; đại lý đấu giá chứng khoán và ủy thác đấu giá chứng khoán.

Phòng Giao dịch Môi giới: nhận lệnh qua điện thoại; nhận lệnh qua internet.

Phòng Quản lý Rủi ro

Có nhiệm vụ quản lý rủi ro các dịch vụ tài chính cung cấp cho khách hàng, cụ thể :

- Thẩm định năng lực và tài sản của khách hàng và trình/duyet các hồ sơ khách hàng có nhu cầu hợp tác đầu tư chứng khoán cho Hội đồng Quản lý Rủi ro/Ban Tổng Giám đốc khi có các phát sinh;
- Giám sát các hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán theo đúng quy định, quy trình nghiệp vụ của Công ty. Đôn đốc và Xử lý các trường hợp vi phạm;
- Báo cáo định kỳ hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán cho Hội đồng Quản lý Rủi ro/Ban Tổng Giám đốc. (Chức năng nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Rủi ro xem phần 6.4).

Phòng Kiểm soát nội bộ và Pháp chế

Có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của công ty theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

Phòng Tài chính Kế toán

Phòng ghi chép mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính để phục vụ việc quản lý và thống kê kinh doanh. Phòng này có chức năng quản lý tiền mặt và hoạt động ngân quỹ.

Phòng Công nghệ Thông tin

Phòng có các chức năng sau:

- Xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng cho hệ thống
- Phát triển và quản lý phần mềm giao dịch và giao dịch internet
- Quản lý phần mềm kế toán
- Quản lý truyền thông nội bộ (intranet)
- Xây dựng và duy trì website cho HSC

- Quản lý hệ thống an ninh mạng
- Phát triển công nghệ và hỗ trợ đưa ra sản phẩm mới

Phòng Truyền thông

Phòng có chức năng tổ chức các sự kiện, chương trình quảng cáo, hội nghị khách hàng, thông tin cho các cổ đông cổ của Công ty. Ngoài nhiệm vụ thông tin ra bên ngoài, phòng Truyền thông còn có nhiệm vụ thông tin các tin tức nội bộ cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Phòng Hành chính

Phòng có chức năng tổ quản lý cơ sở vật chất và đảm bảo cho hoạt động tại trụ sở Công ty như hệ thống điện, nước, công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển, hoạt động văn thư, lễ tân.

Phòng Nhân sự

Phòng có chức năng như sau:

- Tổ chức tuyển dụng và đào tạo cán bộ nhân viên.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nhân viên hàng năm và hệ thống thông tin nhân viên trong toàn công ty.
- Tăng cường nghiệp vụ quản trị nhân sự để phát triển nguồn nhân lực, tách các bộ phận theo đúng chức năng để chuyên môn hóa các hoạt động.
- Sẵn sàng hỗ trợ các bộ phận khác trong quá trình mở rộng hoạt động của công ty.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên tính đến ngày 24/02/2011

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM	33-39 Pasteur, Q.1, TP HCM	18.000.000	180.000.000.000	30,00%
Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital	Phòng 1901, tầng 19, Mê Linh-số 02 Ngô Đức Kế, Q1, TPHCM	18.854.640	188.546.400.000	31,42%
Tổng cộng		36.854.640	368.546.400.000	61,42%

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 24/02/2011

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ CỔ ĐÔNG
Tổ chức trong nước	22.106.491	221.064.910.000	36,84%	51
Tổ chức ngoài nước	29.038.344	290.383.440.000	48,40%	26
Cá nhân trong nước	8.335.611	83.356.110.000	13,89%	2397
Cá nhân ngoài nước	361.945	3.619.450.000	0,60%	69
Cổ phiếu quỹ	157.745	1.577.450.000	0,26%	
Tổng cộng	59.999.686	599.996.860.000	100%	2.543

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Không có.

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Hoạt động kinh doanh chính

HSC được phép cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ chứng khoán, bao gồm:

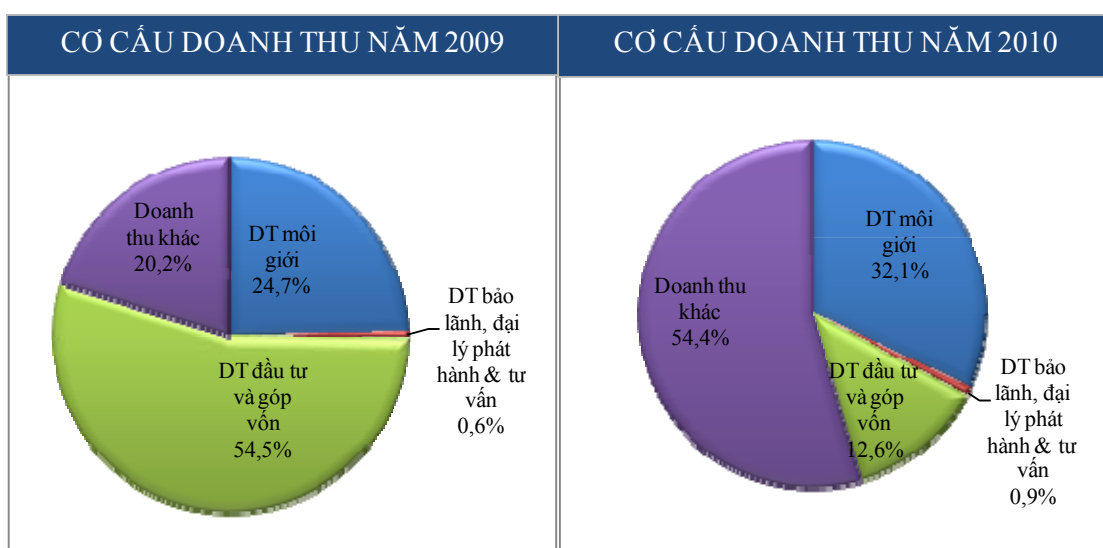
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

6.2. Doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2009		Năm 2010		Quý 1/ 2011	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu dịch vụ môi giới CK	121.204	24,7%	151.051	32,1%	21.279	22,1%
Doanh thu đầu tư và góp vốn	267.795	54,5%	59.435	12,6%	3.879	4,0%
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành và tư vấn	2.877	0,6%	4.006	0,9%	2.046	2,1%
Doanh thu khác	99.402	20,2%	256.356	54,4%	69.266	71,8%
TỔNG CỘNG	491.278	100%	470.848	100%	96.470	100%

Nguồn: BCTC năm 2009 và 2010 đã được kiểm toán và BCTC quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC.



Cơ cấu doanh thu năm 2010 của Công ty có thay đổi so với năm 2009. Tỷ lệ doanh thu hoạt động môi giới tăng từ 24,7% trên tổng doanh thu trong năm 2009 lên 32,1% trong năm 2010. Mặc dù số lượng các công ty niêm yết ngày càng tăng nhưng giá trị giao dịch toàn thị trường chứng khoán của năm 2010 giảm nhẹ so với năm 2009 cũng làm cho doanh thu môi giới của toàn thị trường giảm nhẹ theo, tuy nhiên tại HSC thị phần môi giới tăng mạnh nên doanh thu môi giới của HSC cũng tăng so với năm 2009. Thị phần của HSC tăng, cụ thể: tại HSX tăng từ 5,63% trong năm 2009 lên 7,02% trong năm 2010; tại HNX tăng từ 3,76% trong năm 2009 lên 4,71% trong năm 2010. Thị phần và doanh thu môi giới của HSC tăng góp phần làm gia tăng tính ổn định của hoạt động kinh doanh của HSC.

Doanh thu khác của HSC năm 2010 cũng tăng mạnh 157,9% so với năm 2009 làm tỷ trọng

doanh thu khác chiếm từ 20,2% trên tổng doanh thu năm 2009 lên 54,4% trong năm 2010. Chi tiết doanh thu khác như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiết doanh thu khác	Năm 2009	Năm 2010	Quý 1/2011
DT hoạt động hợp tác đầu tư CK	31.411	142.025	38.328
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	55.390	61.358	28.314
DT từ hoạt động repo và ứng trước tiền bán CK	10.822	10.365	2.624
Doanh thu khác	1.508	42.608	-
Cộng doanh thu khác	99.131	256.356	69.266

Nguồn: BCTC năm 2009 và 2010 đã được kiểm toán và BCTC quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC.

Trong năm 2010, HSC đã đưa ra chiến lược giảm bớt lượng vốn đầu tư cho hoạt động đầu tư tự doanh bằng cách bán bớt một số cổ phiếu đã đầu tư và tăng cường vốn cho hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán. Doanh thu hoạt động hợp tác đầu tư tăng mạnh do trong năm 2009, hoạt động này chỉ được chuyển khai thực hiện trong quý 4/ 2009 so với năm 2010 hoạt động này được thực hiện cả năm. Ngoài ra mặt bằng lãi suất sử dụng vốn của năm 2010 tăng so với năm 2009 cũng góp phần làm doanh thu hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán năm 2010 tăng so với năm 2009.

Tỷ lệ doanh thu đầu tư và góp vốn (tự doanh) giảm mạnh từ 54,5% trên tổng doanh thu năm 2009 xuống còn 12,6% trên tổng doanh thu năm 2010. Chỉ số chứng khoán của thị trường chứng khoán năm 2010 sụt giảm so với năm 2009, cụ thể VN- Index từ 494,77 điểm tại ngày 31/12/2009 giảm còn 484,66 điểm tại ngày 31/12/2010 (giảm 2%); HNX-index từ 168,17 điểm tại ngày 31/12/2009 giảm còn 114,24 điểm tại ngày 31/12/2010 (giảm 32%). Do chỉ số của thị trường chứng khoán sụt giảm trong năm 2010 nên đã ảnh hưởng đến việc tự doanh của HSC trong năm 2010.

Hiệu quả của hoạt động đầu tư và góp vốn (tự doanh) của HSC trong năm 2009 năm 2010 và Quý 1/2011 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý 1/2011
Doanh thu tự doanh (lãi từ đầu tư CK)	267.795	59.435	3.879
Chi phí hoạt động đầu tư CK (lỗ từ đầu tư CK)	(172.770)	(84.678)	(25.557)
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư CK	(41.831)	(21.348)	(4.011)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư CK	150.290	33.307	23.727
Lợi nhuận từ tự doanh	203.484	(13.284)	(1.962)

Nguồn: Báo cáo tài chính của HSC năm 2009 và 2010 đã được kiểm toán.

Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của BTC, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán, góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu hoạt động đầu tư, khi lỗ (giá thấp hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư.

6.3. Chi phí hoạt động

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010		Quý 1/2011
	Giá trị	Giá trị	% Tăng giảm so với 2009	Giá trị
Chi phí hoạt động kinh doanh CK, trong đó:	131.127	170.485	30,0%	26.521
Chi phí hoạt đầu tư CK	172.770	84.678	-51,0%	25.557
Chi phí nhân viên	28.259	44.217	56,5%	9.067
Chi phí môi giới CK	26.787	31.458	17,4%	4.408
Chi phí khác	11.770	22.090	87,7%	7.205
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư CK	41.831	21.348	-49,0%	3.609
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư CK	(150.290)	(33.306)	-77,8%	(23.325)
Chi phí quản lý DN	38.272	72.532	89,5%	18.520
Chi phí nhân viên quản lý	22.606	32.133	42,1%	6.071
Chi phí thuê văn phòng	9.765	18.409	88,5%	5.852
Chi phí khác	18.759	24.010	28,0%	6.597
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(12.858)	(2.020)	-84,3%	-
Tổng Cộng	169.399	243.017	120%	45.041

Nguồn: BCTC năm 2009 và 2010 đã được kiểm toán và BCTC quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC

Năm 2010, chi phí hoạt động và chi phí quản lý của HSC đều tăng so với năm 2009. Đối với chi phí hoạt động, tổng chi phí của hoạt động tự doanh gồm: chi phí đầu tư CK, chi phí dự phòng giảm giá CK và hoàn nhập dự phòng CK của năm 2010 cao hơn năm 2009 một chút, nhưng không đáng kể (tăng 8,4 tỷ đồng). Chi phí môi giới chứng khoán năm 2010 cũng tăng và mức tăng này là phù hợp do doanh thu môi giới cũng tăng.

Các chi phí hoạt động khác như chi phí nhân viên trực tiếp và quản lý, các dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao, chi phí khác... trong năm 2010 tăng mạnh do HSC mở rộng thị phần, thị trường hoạt động, đồng thời HSC cũng tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho các phòng giao dịch và các máy móc thiết bị cho hoạt động của mình. Việc đầu tư để mở rộng thị trường hoạt động đã mang lại cho HSC kết quả rất khả quan là thị phần môi giới cũng như doanh thu môi giới chứng khoán của HSC tăng trong hai năm qua.

6.4. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

HSC đã thành lập Hội đồng Đầu tư và Hội đồng Quản lý Rủi ro với các chức năng và quyền hạn sau:

Hội đồng Đầu tư có 6 thành viên, các thành viên là những người nằm trong Ban điều hành quản lý Công ty, Hội đồng Đầu tư họp định kỳ hàng tháng hoặc bất thường khi cần thiết để quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn của HSC, cụ thể:

- Việc phân bổ tổng tài sản của HSC vào từng thời điểm cụ thể, đối với từng hoạt động kinh doanh: đầu tư, tài trợ giao dịch, tư vấn...
- Việc vay vốn ngân hàng bổ sung cho các hoạt động kinh doanh.
- Quyết định chiến lược đầu tư cổ phiếu, trái phiếu.
- Quyết định tất cả hoạt động bảo lãnh phát hành cổ phiếu/ trái phiếu.

Hội đồng Quản lý Rủi ro gồm các thành viên là Ban Giám đốc và các Trưởng bộ phận quản lý của HSC. Hội đồng Quản lý Rủi ro có trách nhiệm lập các hạn mức đầu tư, giám sát chặt chẽ các hoạt động đầu tư và điều chỉnh tỷ lệ danh mục đầu tư. Định kỳ hàng tháng họp 1 lần nhằm thảo luận và đưa ra các giải pháp, chính sách cần thiết cho hoạt động kinh doanh của công ty. Hội đồng Quản lý rủi ro cũng đặt ra các quy trình hướng dẫn chặt chẽ nhằm giúp cho hoạt động môi giới cá nhân đảm bảo hoạt động liên tục và hạn chế rủi ro trong các giao dịch hàng ngày.

6.5. Trình độ công nghệ tin học

Với sự trang bị có hệ thống và theo đúng tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống mạng HSC luôn ở chế độ sẵn sàng và duy trì độ an toàn cao cho toàn bộ mạng lưới kinh doanh của HSC. HSC đã đầu tư hơn 30 máy chủ của hãng IBM có cấu hình mạnh hỗ trợ ảo hóa, có thể chạy nhiều ứng dụng và đảm bảo kết nối dữ liệu liên tục, thông suốt. Hoạt động trên nền tảng máy chủ này là hệ thống giao dịch và thanh toán chứng khoán tiên tiến cung cấp bởi công ty AFE Solutions Limited (Hong Kong) , một công ty con của Tập đoàn Thomson - Reuters. Hệ thống này đã được kết nối trực tuyến với HOSE và kết nối thông sàn với HNX, giúp HSC có thể xử lý hàng trăm ngàn lệnh giao dịch của khách hàng từ nhiều kênh khác nhau như Internet, Call center hay trực tiếp từ sàn giao dịch. Ngoài ra, HSC cũng đã đầu tư vào dịch vụ thông tin thị trường chứng khoán dựa trên nền tảng công nghệ của công ty AFE Hong Kong. HSC hiện nay là công ty đi đầu trong mảng cung cấp thông tin thị trường thời gian thực cho nhà đầu tư.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

HSC đã nghiên cứu và đầu tư cho các sản phẩm mới phục vụ cho hoạt động môi giới, bao gồm:

- Sản phẩm giao dịch Internet VIP-Trade đã được đưa vào hoạt động từ đầu tháng 2/2010.
- Nghiên cứu và chuẩn bị sẵn sàng sản phẩm giao dịch ký quỹ.
- Sản phẩm giao dịch qua điện thoại di động.
- Đã đưa vào hoạt động sản phẩm chuyển tiền trực tuyến cho nhà đầu tư.
- Nghiên cứu kết nối đặt lệnh qua hệ thống Bloomberg cho khách hàng tổ chức.
- Đã kết nối trực tuyến thành công với HOSE và HNX.
- Đưa hệ thống của HSC để giao dịch Trái phiếu chính phủ tại HNX vào hoạt động.

6.7. Hoạt động kiểm tra tuân thủ pháp luật và kiểm soát nội bộ

Kiểm soát nội bộ và tuân thủ được thực hiện dựa trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp quy có liên quan cũng như tuân thủ các quy trình, nghiệp vụ mà công ty đã ban hành. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy trình đã ban hành của các bộ phận, phát hiện các vi phạm, đề xuất các biện pháp xử lý cũng như đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy trình.
- Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính hàng tháng, phát hiện những vấn đề còn thiếu sót để

đưa ra các đề xuất nhằm mục tiêu hoàn thiện hệ thống sổ sách, báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực, kịp thời cho các thông tin tài chính.

6.8. Hoạt động Marketing

Công ty đã triển khai nhiều hoạt động trong chiến lược quảng bá và xây dựng thương hiệu HSC.

6.9. Nhãn hiệu thương mại

Khẩu hiệu của công ty trong năm 2011 là **“Connecting Partners” – “Kết nối các đối tác”**

Logo của HSC có tông màu chủ đạo là màu xanh dương đậm, điểm xuyết bởi 3 ô vuông đỏ, vàng và đen. Màu xanh dương thể hiện chiều sâu và tính bình ổn.



Biểu tượng logo, phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp và xây dựng văn hóa HSC được Công ty quan tâm hàng đầu.

6.10. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã ký

 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn chính cho Niêm yết (HNX) Tháng 12/ 2010	 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn duy nhất cho Niêm yết (HSX) Tháng 12/ 2010	 Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn duy nhất cho Niêm yết (HSX) Tháng 10/ 2010	 Công ty Cổ phần Bột giặt Net Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn duy nhất cho Niêm yết (HNX) Tháng 9/ 2010
 Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín Thị trường Vốn Cổ phần Đồng tư vấn cho Niêm yết (HNX) Tháng 9/ 2010	 Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn duy nhất cho Niêm yết (HSX) Tháng 7/ 2010	 Công ty Cổ phần Phân bốn Miền Nam Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn cổ phần hóa Tháng 6/ 2010	 CTCP Ngoại thương & Phát triển Đầu tư TP. HCM Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn duy nhất cho Niêm yết (HSX) Tháng 1/ 2010

 Công ty Cổ phần Phân lân Văn Điển Thị trường Vốn Cổ phần Tư vấn cổ phần hóa Tháng 12/ 2009	 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM Thị trường Nợ Phát hành Trái phiếu quốc tế Trái phiếu chuyển đổi Tháng 1/2011	 Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam Tư vấn M&A Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ Tháng 1/2011	 CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn Tư vấn M&A Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ Tháng 2/2011
 Công ty Cổ phần Đầu tư CMC Tư vấn M&A Định giá và Tư vấn Giao dịch Tháng 8/ 2010	 Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn Tư vấn M&A Tư vấn Duy nhất cho việc mua lại Sfone Tháng 1/ 2010	 Công ty TNHH Xây dựng Đa Cìn Tư vấn M&A Tư vấn Chính cho Đầu tư dự án Bất động sản Tháng 4/ 2010	 Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long Tư vấn M&A Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ Tháng 5/2010
 Công ty Cổ phần Việt Thái Quốc tế Tài chính Doanh nghiệp Tư vấn duy nhất cho Tái cấu trúc Tháng 8/ 2010	 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM Tài chính Doanh nghiệp Tư vấn duy nhất cho Tái cấu trúc Tháng 8/ 2010	 Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI Tài chính Doanh nghiệp Tư vấn duy nhất cho Định giá Tháng 10/ 2009	 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội Tư vấn IR/ PR Tháng 12/ 2010

7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong năm 2009, 2010 và Q1/2011

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% Tăng giảm so với 2009	Q1/2011
Tổng giá trị tài sản	2.089.537	2.524.979	20,8%	1.974.765
Doanh thu thuần về HĐKD	491.278	470.849	-4,2%	96.470
Chi phí hoạt động	131.127	170.486	30,0%	26.521
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	360.151	300.363	-16,6%	69.949
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.272	72.532	89,5%	18.520

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% Tăng giảm so với 2009	Q1/2011
Lợi nhuận từ HĐKD	321.879	227.831	-29,2%	51.429
Lợi nhuận khác	14.434	70		37
Lợi nhuận trước thuế	336.313	227.901	-32,2%	51.466
Lợi nhuận sau thuế	278.119	182.312	-34,4%	41.716
Lãi cơ bản / 1cp (EPS)	7.056	3.044	-56,9%	N/A
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	20%	17%	-25,0%	(*)

Nguồn: Báo cáo tài chính của HSC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và Quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC

(): Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2010 đã được thông qua, năm 2011 HSC dự kiến trả cổ tức từ 10% đến 12%/ Vốn điều lệ.*

7.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh năm 2009 và 2010 của Công ty

Năm 2009 là năm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh chứng khoán. Nền kinh tế thế giới sau một thời gian khủng hoảng đi xuống đã phục hồi và đã dần đi vào ổn định và tăng trưởng trở lại. Nền kinh tế Việt Nam cũng đã dần ổn định và phát triển nên theo đó thị trường chứng khoán cũng tăng điểm liên tục - VN Index cuối năm 2009 tăng 60% so với đầu năm và giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường cũng tăng mạnh lên 2.520 tỷ đồng/ ngày trong năm 2009. Kết quả hoạt động kinh doanh của HSC năm 2009 khá khả quan, lợi nhuận năm 2009 của HSC tăng mạnh, lãi 278 tỷ, EPS 7,056 đồng/cp, trong đó lợi nhuận chủ yếu do lãi từ việc bán trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán của năm 2008.

Năm 2010, doanh thu phí môi giới của HSC tiếp tục tăng 24,6% so với năm 2009 và đóng góp 32,1% trong tổng doanh thu so với những năm trước chỉ chiếm 24,7% trên tổng doanh thu. Với thế mạnh cả hai phân khúc nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân trong lĩnh vực môi giới, HSC đã nâng thị phần môi giới của HSC tại HSX tăng từ 5,63% trong năm 2009 lên 7,02% trong năm 2010; tại HNX tăng từ 3,76% trong năm 2009 lên 4,71% trong năm 2010. Mặc dù số lượng các công ty niêm yết ngày càng tăng nhưng giá trị giao dịch toàn thị trường của năm 2010 lại giảm nhẹ so với năm 2009. Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường từ 2.520 tỷ đồng/ ngày trong năm 2009 giảm nhẹ xuống còn 2.415 tỷ đồng/ ngày trong năm 2010 (xem phần IV- mục 8- b. Triển vọng ngành chứng khoán) cũng làm cho doanh thu môi giới của toàn thị trường có giảm đôi chút, tuy nhiên đối với HSC do thị phần tăng mạnh nên doanh thu môi giới cũng tăng so với năm 2009. Thị phần và doanh thu môi giới của HSC

tăng góp phần làm gia tăng tính ổn định của hoạt động kinh doanh của HSC.

Đối với hoạt động tự doanh của HSC trong năm 2010 không được thuận lợi do chỉ số chứng khoán năm 2010 sụt giảm so với năm 2009. Ngay từ đầu năm 2010, HSC đưa ra chiến lược giảm bớt lượng vốn của hoạt động đầu tư tự doanh và tăng cường vốn cho hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán.

Thị trường chứng khoán Việt Nam cho đến nay đã chứng kiến sự ra đời của hơn 100 công ty chứng khoán và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán. Để tăng lợi thế cạnh tranh, từ năm 2008 đến nay HSC đã chú trọng việc đầu tư mạnh vào hệ thống công nghệ tin học và tung ra nhiều sản phẩm dịch vụ mới mang đến kết quả khả quan cho thị phần môi giới của HSC trong những năm gần đây. Bên cạnh đó do tăng mạnh đầu tư tài sản cho hoạt động môi giới nên các chi phí hoạt động và quản lý của HSC cũng tăng mạnh.

7.3 Những thành tựu đạt được trong năm 2010

Năm 2010 là một năm thành công tốt đẹp của HSC. Trong việc phát triển và mở rộng những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của mình, HSC tiếp tục giữ gìn và phát huy hơn nữa thế mạnh nên tăng trong các chức năng kinh doanh ở cả hai nghiệp vụ là Môi giới chứng khoán và Tư vấn tài chính doanh nghiệp. Những thành công vượt bậc đã đạt được giúp HSC ngày càng củng cố vững chắc thêm uy tín của mình với tư cách là công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Những thành tựu nổi bật trong năm 2010:

Nâng cao vị thế và gia tăng thị phần môi giới: Trong năm 2010, thị phần môi giới của HSC trong tổng thị phần môi giới toàn thị trường chứng khoán đã tăng từ 4,8% trong năm 2009 lên 5,9% trong năm 2010. Kết quả này đã nâng mức xếp hạng của HSC từ vị trí đứng thứ 4 trong năm 2009 lên vị trí thứ 3 trong năm 2010.

Mở rộng mạng lưới hoạt động và trụ sở chính quy mô hơn: trong năm 2010, HSC đã chính thức đưa vào hoạt động thêm các phòng giao dịch đã nâng tổng số phòng giao dịch lên 8 địa điểm, trong đó có 4 phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và có 4 phòng giao dịch tại Hà Nội. Trụ sở chính của HSC cũng đã được chuyển đến lầu 5 và 6 Tòa nhà AB Tower ở đường Lê Lai, quận 1 tọa lạc ngay giữa khu trung tâm thành phố nhộn nhịp. Văn phòng mới bao gồm trung tâm dữ liệu công nghệ thông tin tân tiến và các văn phòng hành chính rộng rãi, hiện đại.

Gặt hái được nhiều giải thưởng: Năm 2010, HSC được bình chọn là công ty chứng khoán số 1 Việt Nam về Môi giới và Nghiên cứu thị trường (Giải thưởng bình chọn Extel Asia 2010 được tổ chức bởi Hãng thông tấn Thomson Reuters trên qui mô toàn khu vực Châu Á- Thái

Bình Dương). Bên đó HSC còn đạt được giải thưởng có uy tín khác là “Giải Bạch Kim” cho Báo cáo thường niên 2009 trong ngành Tài chính- Thị trường vốn do LACP trao tặng Các giải thưởng này khẳng định đẳng cấp quốc tế và năng lực cạnh tranh cao của HSC trong lĩnh vực chứng khoán.

8. VỊ THẾ CÔNG TY SO VỚI CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KHÁC

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Về chỉ số tài chính

Tại thời điểm 31/12/2010, vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu và giá trị sổ sách (Book value) và EPS của một cổ phần các công ty chứng khoán đang niêm yết trên HSX và HNX như sau:

Công ty	Vốn điều lệ	Vốn CSH	Book Value	EPS 2009	EPS 2010
	<i>Tỷ VND</i>	<i>Tỷ VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
CTCP CK Sài Gòn (SSI)	3.511	5.459	15.550	5.360	1.982
CTCP CK TP HCM (HSC)	600	1.589	26.490	7.056	3.044
CTCP CK NHSG Thương tín (SBS)	1.267	1.625	12.826	2.313	910
CTCK NHNO&PTNT VN (AGR)	2.120	2.345	11.061	1.174	1.125
CTCP CK Kim Long (KLS)	2.025	2.314	11.427	5.081	-106
CTCP CK VNDIRECT (VND)	1.000	1.242	12.420	7.057	1.356
CTCP CK Bảo Việt (BVS)	722	1.146	15.865	3.677	-1.284
CTCP CK NH Công Thương (CTS)	790	821	10.392	760	274

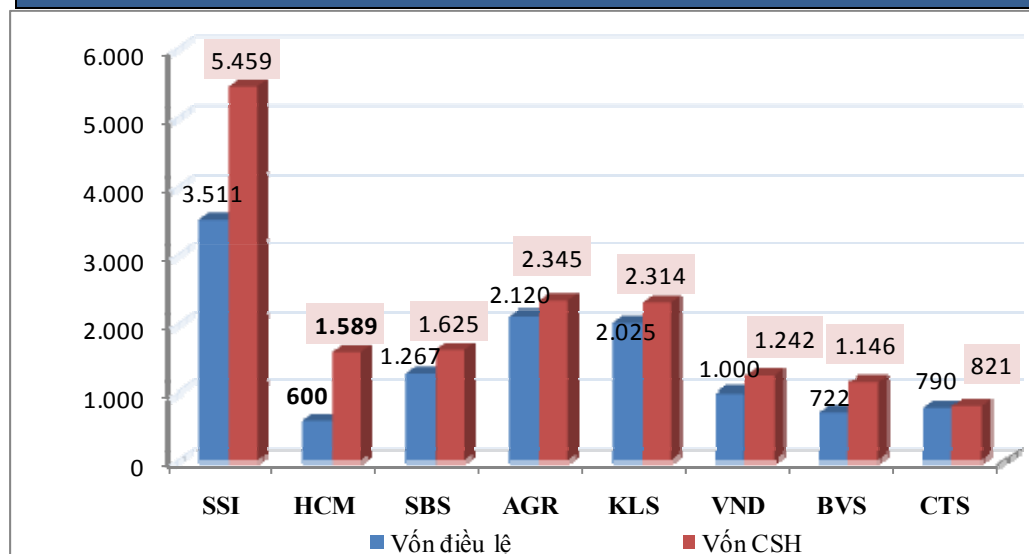
(Nguồn: BCTC năm 2009 và 2010 đã được kiểm toán của các CT CP CK công bố trên HSX và HNX)

EPS 2009 của CTS và AGR là EPS của giai đoạn từ 01/7/2009 đến 31/12/2009 (do mới cổ phần hoá).

HSC là một trong những công ty chứng khoán có EPS 2009 và EPS 2010 cao nhất trong các công ty chứng khoán có qui mô lớn đã niêm yết trên HSX và HNX tính đến thời điểm cuối năm 2010.

Tính đến cuối năm 2010, cổ phiếu HCM của công ty HSC là cổ phiếu có giá trị sổ sách/ 1 cổ phiếu (book value) cao nhất trong các công chứng khoán có qui mô lớn đã niêm yết trên HSX và HNX.

**VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI 31/12/2010 CỦA MỘT SỐ CTCP
CK CÓ QUY MÔ LỚN ĐANG NIÊM YẾT TẠI HNX VÀ HSX**



Vốn điều lệ của HSC cho đến 31/12/2010 đạt 600 tỷ đồng, so với các công ty chứng khoán có qui mô lớn khác thì công ty HSC có vốn điều lệ tương đối thấp, tuy nhiên nguồn vốn chủ sở hữu của HSC tương đối cao đạt 1.589 tỷ đồng.

Về thị phần môi giới và khả năng cạnh tranh :

Đến cuối tháng 01/2011, HSC quản lý 24.112 tài khoản của nhà đầu tư.

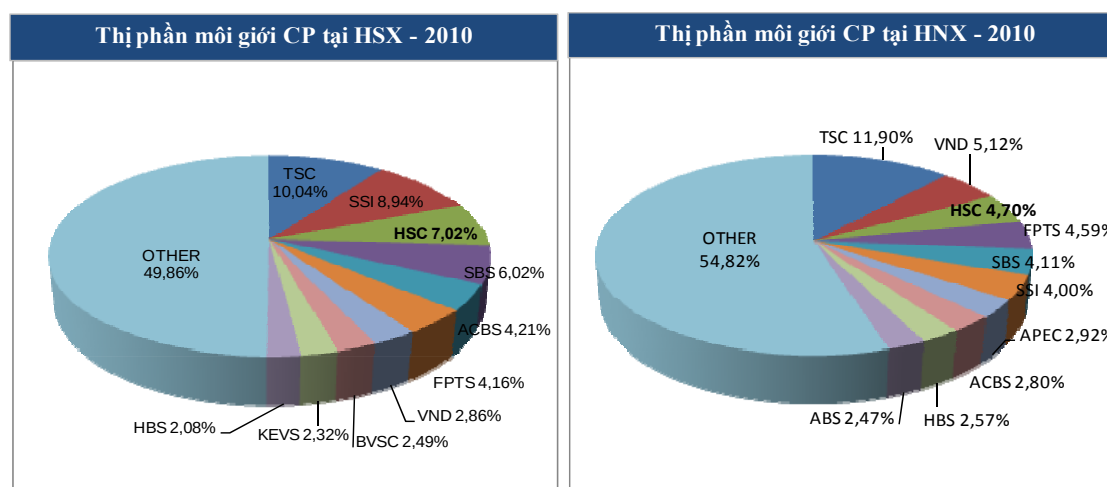
Thị phần môi giới cổ phiếu tại SGDCK TP. HCM và SGDCK Hà Nội :

Thị phần Môi giới tại SGDCK TP.HCM (HSX)					
STT	Tên Công ty	Mã	Năm 2009	Năm 2010	% tăng giảm so với 2009
1	CTCK Thăng Long	TSC	9,13%	10,04%	9,97%
2	CTCK Sài Gòn	SSI	8,26%	8,94%	8,23%
3	CTCK TP. Hồ Chí Minh	HSC	5,63%	7,02%	24,69%
4	CTCK Ngân hàng Sài gòn	SBS	7,77%	6,02%	-22,52%
5	CTCK ACB	ACBS	4,37%	4,21%	-3,66%
6	CTCK FPT	FPTS	3,84%	4,16%	8,33%
7	CTCK VNDirect	VND	2,30%	2,86%	24,35%
8	CTCK Bảo Việt	BVSC	3,37%	2,49%	-26,11%
9	CTCK Kim Eng VN	KEVS	3,40%	2,32%	-31,76%
10	CTCK Hòa Bình	HBS	N/A	2,08%	N/A
11	Các CTCK khác	OTHER	51,93%	49,86%	-3,99%

Nguồn: Công bố của HSX về danh sách 10 CTCK có thị phần môi giới dẫn đầu thị trường trong năm 2009 và 2010.

Thị phần Môi giới tại SGDK HÀ NỘI (HNX)					
STT	Tên Công ty	Mã	Năm 2009	Năm 2010	% tăng giảm so với 2009
1	CTCK Thăng Long	TSC	8,45%	11,90%	40,83%
2	CTCK VNDirect	VND	3,17%	5,12%	61,51%
3	CTCK TP. Hồ Chí Minh	HSC	3,76%	4,70%	25,00%
4	CTCK FPT	FPTS	4,13%	4,59%	11,14%
5	CTCK Ngân hàng Sài gòn	SBS	4,19%	4,11%	-1,91%
6	CTCK Sài Gòn	SSI	4,52%	4,00%	-11,50%
7	CTCK Châu Á TBD	APEC	N/A	2,92%	N/A
8	CTCK ACB	ACBS	4,31%	2,80%	-35,03%
9	CTCK Hoà Bình	HBS	N/A	2,57%	N/A
10	CTCK An Bình	ABS	2,85%	2,47%	-13,33%
11	Các CTCK khác	OTHER	64,62%	54,82%	-15,17%

Nguồn : Công bố của HNX về danh sách 10 CTCK có thị phần môi giới dẫn đầu thị trường trong năm 2009 và 2010



Thị phần môi giới chứng khoán (không kể trái phiếu) cho nhà đầu tư trong nước và ngoài nước trên sàn HSX của HSC tăng đáng kể từ 5,63% trong năm 2009 lên 7,02% trong năm 2010 và từ vị trí đứng thứ 4 thị phần môi giới tại HSX trong năm 2009 lên đứng vị trí thứ 3 trong năm 2010. Đối với sàn HNX thị phần môi giới của HSC tăng từ 3,76% trong năm 2009

lên 4,70% trong năm 2010 và từ vị trí đứng thứ 6 thị phần môi giới tại HSX trong năm 2009 đã vươn lên vị trí thứ 3 trong năm 2010.

Góp phần đáng kể vào thị phần môi giới của HSC là thị phần môi giới cho tổ chức nước ngoài. Thị phần của HSC trong hoạt động môi giới cho nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2008 là 8,65%, trong năm 2009 tăng mạnh lên 21% và trong năm 2010 là gần 19%, đứng vị trí thứ 2 thị phần môi giới cho tổ chức nước ngoài tại HSX và HNX.

8.2 Triển vọng ngành

Thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2009 đến nay đã phát triển nhanh về độ rộng, độ sâu, và môi trường pháp lý.

Một số chỉ tiêu về thị trường chứng khoán trong năm 2010:

Chỉ tiêu	HSX	HNX	Tổng
Chỉ số chứng khoán tham chiếu 31/12/2009	495	168	-
Chỉ số chứng khoán đóng cửa tại 31/12/2010	485	114	-
Thay đổi trong năm 2010	-2,0%	-32,1%	-
Vốn hoá thị trường tại 31/03/2011 (tỷ đồng)	592.600	113.876	706.476
Số công ty niêm yết đến 31/03/2011 (công ty)	283	379	662
Tổng giá trị giao dịch năm 2009 (tỷ đồng)	432.650	197.358	630.008
Giá trị giao dịch bình quân ngày trong năm 2009 (tỷ đồng)	1.730	789	2.520
Tổng giá trị giao dịch năm 2010 (tỷ đồng)	367.961	235.815	603.776
Giá trị giao dịch bình quân ngày trong năm 2010 (tỷ đồng)	1.472	943	2.415
Tăng/ (giảm) Giá trị giao dịch 2010 so với 2009	(14,95%)	19,49%	(4,16%)

Nguồn: Số liệu lấy trên website của HSX và HNX.

Quy mô thị trường chứng khoán

Chỉ số chứng khoán của thị trường chứng khoán cuối năm 2010 giảm 2,0% tại HSX và 32,1% tại HNX so với cuối năm 2009. Tổng số công ty niêm yết ngày càng tăng và cho đến cuối tháng 3 năm 2011 đã có tổng cộng 662 công ty niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX, tuy nhiên tổng giá trị giao dịch toàn thị trường năm 2010 lại giảm nhẹ 4,16%, trong đó giá trị giao dịch trên HSX giảm 14,95% và HNX tăng 19,49% so với năm 2009. Ngoài ra thị trường Upcom là một thị trường đầy tiềm năng trong tương lai khi mà tất cả các công ty cổ phần đại chúng chưa niêm yết đều phải giao dịch trên thị trường này, mặc dù hiện nay thị trường có giá trị giao dịch và tính thanh khoản rất thấp. Mặc dù thị trường chứng khoán hiện nay đang trong giai đoạn khó khăn do kinh tế vĩ mô trong nước chưa ổn định, tuy nhiên trong dài hạn thị trường chứng khoán sẽ là thị trường đầy tiềm năng cho hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán.

Hiện nay Việt Nam có hơn 100 công ty chứng khoán hoạt động trên thị trường chứng khoán nên việc cạnh tranh diễn ra giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt, và vì thế các công ty chứng khoán phải thường xuyên đưa ra các sản phẩm dịch vụ tốt hơn để có thể cạnh tranh và tồn tại.

Triển vọng phát triển thị trường chứng khoán trong những năm tới

Các công ty chứng khoán có nhiều cơ hội và thách thức trong năm tới:

- Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung đã ban hành sẽ có hiệu lực từ ngày 01/07/2011 và dự kiến Chính phủ sẽ ban hành (hoặc sửa đổi) một số Nghị định có liên quan đến thị trường chứng khoán sẽ giúp thị trường chứng khoán phát triển và minh bạch hơn, đồng thời sẽ làm tăng thanh khoản và nguồn vốn cho thị trường chứng khoán.
- Thị trường trái phiếu sẽ phát triển nhanh chóng với tính thanh khoản cao hơn. Các trái phiếu Chính phủ đã được niêm yết và giao dịch tập trung trên HNX, và trái phiếu doanh nghiệp cũng đã được niêm yết và giao dịch sôi động trên HSX và HNX. Điều đó cho thấy thị trường trái phiếu cũng là một thị trường đầy tiềm năng trong thời gian sắp tới.
- Về thị trường giao dịch cổ phiếu chưa niêm yết Upcom: Thị trường này đang tăng về số lượng công ty đăng ký giao dịch, tuy nhiên tính thanh khoản còn thấp và trong tương lai Chính phủ sẽ có những chính sách hỗ trợ cho thị trường này phát triển nhanh hơn và năng động hơn so với hiện nay.
- Trong năm 2011, các công ty sẽ tăng mạnh nhu cầu huy động vốn từ việc phát hành tăng vốn điều lệ và hoạt động M&A, do đó nhu cầu về việc bảo lãnh phát hành và nhu cầu tìm kiếm đối tác chiến lược, nhà đầu tư góp vốn mua cổ phần sẽ phát triển mạnh hơn.

- Nền kinh tế trong nước được dự báo sẽ khó khăn trong năm 2011. Tỷ lệ lạm phát cao và tỷ giá đồng USD/VND chưa ổn định trong những tháng đầu năm 2011 cũng là yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán, tuy nhiên về dài hạn, thị trường Việt Nam vẫn là điểm đến của các nhà đầu tư.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của HSC với định hướng của ngành, chính sách nhà nước, và xu thế chung của thế giới

Sự phát triển của TTCK Việt Nam là một xu thế tất yếu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, sự hình thành và phát triển của TTCK có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

TTCK Việt Nam đang đứng trước những cơ hội để phát triển mạnh mẽ, đây cũng là cơ hội và thách thức cho các công ty chứng khoán. Với tầm nhìn chiến lược, HSC đã đưa ra một chiến lược phát triển phù hợp với đường lối phát triển về văn hóa kinh doanh, quy mô hoạt động, dịch vụ sản phẩm và công nghệ thông tin. Sự phù hợp đó được thể hiện như sau:

Văn hoá kinh doanh và giá trị của HSC

Giá trị cốt lõi:

Tại HSC, các giá trị cốt lõi luôn được HSC nỗ lực giữ gìn và coi đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình, các giá trị cốt lõi là:

- Tính trung thực: xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác khi mua bán, làm việc và hợp tác với HSC trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Trong các hoạt động kinh doanh của mình, HSC xác định rõ vai trò và trách nhiệm liên quan đối với các đối tác và áp dụng các quy trình cần thiết để duy trì tính minh bạch và tính bảo mật cho các hoạt động của mình.
- Sự cống hiến nghề nghiệp cao: ở tất cả các cấp bậc, nhân viên HSC đều cam kết cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, vượt qua sự mong đợi của đối tác, và xây dựng quan hệ tốt đẹp với các đối tác.
- Tính chuyên nghiệp cao: liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và quy trình thực hiện các giao dịch nhằm mang đến lợi ích cao nhất cho khách hàng.

Nền tảng của sự tăng trưởng:

HSC đã xây dựng nền tảng cho sự tăng trưởng bằng việc triển khai hệ thống “*Quản Trị Tập Thể*” từ năm 2009 đến nay. Hệ thống này đã nâng cao cấu trúc quản lý, trao quyền tự chủ cho

các thành viên trong đội ngũ quản lý trung và cao cấp, mang lại cho họ cơ hội tốt hơn trong việc sở hữu và đóng góp vào sự phát triển của công ty.

Quản trị tập thể cho phép HSC nuôi dưỡng năng lực trong hàng ngũ lãnh đạo, tận dụng kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của các thành viên Ban điều hành và thu hoạch sự đồng lực để cải thiện các quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động cho công ty.

Giá trị của HSC:

HSC đã luôn tận dụng những cơ hội nảy sinh từ thị trường đầy thách thức để xây dựng một nền văn hoá lãnh đạo mạnh mẽ, hiệu quả hơn và cách tiếp cận thị trường mang tính chiến lược hơn. Bên cạnh xây dựng văn hoá lãnh đạo hiện tại, HSC còn tạo điều kiện để phát triển thể hệ lãnh đạo tương lai của HSC.

Nhờ việc quản lý sáng suốt và các kết quả hoạt động kinh doanh nổi bật, HSC khẳng định vị thế của mình là 1 trong 3 công ty chứng khoán hàng đầu cả nước. Tại thời điểm cuối năm 2010, với tổng số vốn điều lệ 600 tỷ và vốn chủ sở hữu là 1.589 tỷ đồng, HSC đã mở rộng mạng lưới chi nhánh lên 3 phòng giao dịch ở TP. Hồ Chí Minh và 4 phòng giao dịch ở Hà Nội. HSC cũng đi đầu trong việc cung cấp các thông tin chính xác, tức thời và an toàn cho nhà đầu tư thông qua hệ thống giao dịch trực tuyến Vi-trade được kết nối trực tiếp đến hai sàn HSX và HNX.

Cổ phiếu HSC đã được niêm yết trên HSX. Việc niêm yết đã làm cho HSC có một cấu trúc cổ đông đa dạng hơn, trong đó hơn 30% số cổ phần do Nhà nước sở hữu, hơn 48% số cổ phần do các tổ chức nước ngoài nắm giữ. Là một công ty niêm yết, HSC luôn đề cao tính công khai minh bạch về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của mình.

Sản phẩm, dịch vụ

HSC là một trong những công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư hàng đầu với các dòng sản phẩm đa dạng tại Việt Nam. HSC tập trung vào các lợi thế cốt lõi trong *Nghiên cứu, Công nghệ thông tin và Chất lượng Dịch vụ* nhằm phục vụ tối đa cho các phân khúc khách hàng trong lĩnh vực khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

Nghiên cứu có chọn lọc:

Một trong những thế mạnh của HSC nằm ở năng lực nghiên cứu. HSC đã xây dựng được danh tiếng trong việc đưa ra các nghiên cứu chất lượng, thấu đáo và độ tin cậy cao nhằm hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán có tên tuổi và am hiểu thị trường. Đối với khách hàng tổ chức, nghiên cứu chính là động lực và tác nhân tạo nên sự khác biệt. HSC tự hào vì đã quy tụ được nhiều nhà phân tích giàu kinh nghiệm, có thể xử lý dữ liệu phù hợp,

đưa ra các báo cáo thường nhật, thông tin công ty, ngành, phân tích thị trường và các bản báo cáo chiến lược dựa trên yêu cầu riêng của khách hàng. Minh chứng xuất sắc nhất cho hoạt động của đội ngũ nghiên cứu độc lập và chất lượng cao của HSC là Bản báo cáo bình luận thị trường hằng ngày của HSC, một báo cáo được đón nhận và lưu hành rộng rãi trong cộng đồng các nhà đầu tư tổ chức.

Kết nối nhà đầu tư với thị trường:

HSC cung cấp cho các khách hàng cá nhân và các tổ chức đầu tư cách tiếp cận vào thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua nhiều loại sản phẩm cổ phiếu và trái phiếu, trong cả thị trường sơ cấp cũng như thứ cấp. Sở hữu một trong những mạng lưới phân phối lớn nhất Việt Nam giúp HSC có khả năng cung cấp các sản phẩm phân tích và dịch vụ tư vấn đáng tin cậy, trang bị cho các nhà đầu tư những hiểu biết sâu sắc về thị trường Việt Nam.

Chất lượng Dịch vụ:

Trong những năm qua, HSC không ngừng phát triển và áp dụng những phương pháp làm việc tốt nhất, liên tục nâng cao trình độ nghiệp vụ cũng như cải thiện các quy trình giúp HSC phục vụ khách hàng tốt hơn. HSC đã xây dựng một năng lực vững mạnh trong cả dịch vụ môi giới khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức. HSC là công ty chứng khoán đầu tiên triển khai mô hình chuyên viên tư vấn tài chính cá nhân, mỗi khách hàng sẽ được một chuyên viên tư vấn phụ trách. Chuyên viên này tìm hiểu nhu cầu của nhà đầu tư và qua đó sẽ đưa ra các tư vấn phù hợp cho khách hàng, phù hợp với xu hướng và nhịp đi của thị trường.

HSC cũng thường xuyên tổ chức huấn luyện các kỹ năng mềm và chuyên môn cho nhân viên. Hằng ngày, HSC tổ chức cập nhật các diễn biến mới nhất của thị trường, diễn biến các dấu hiệu thị trường và giải đáp các thắc mắc cho các thành viên quan tâm. Việc liên tục nâng cao kỹ năng cho phép HSC duy trì lợi thế cạnh tranh trước các công ty chứng khoán khác về chuyên môn, kinh nghiệm và chất lượng dịch vụ.

Các nhà đầu tư cá nhân ngày càng trở nên chuyên nghiệp và các nhà đầu tư tổ chức ngày càng đòi hỏi chất lượng nghiên cứu và phân tích càng cao. HSC sẽ tiếp tục hoàn thành vai trò của mình trong việc cung cấp thông tin nhanh hơn, tốt hơn, chính xác hơn để giúp khách hàng có những quyết định tài chính đúng đắn và nhanh chóng hơn.

Công nghệ thông tin vượt trội

HSC đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch mới “G3b” cho phép quản lý hơn 2 triệu tài khoản, có khả năng tiếp nhận 100 nghìn lệnh trong một ngày. Hệ thống giao dịch này hỗ trợ triển khai sản phẩm giao dịch ký quỹ và các sản tài trợ giao dịch khác. Hệ thống được thiết kế

để kết nối với mạng rộng lớn các nhà đầu tư tổ chức. Với công nghệ thông tin vượt trội đã cho phép HSC kết nối phục vụ và xử lý các lệnh giao dịch của khách hàng với một tốc độ chính xác cao nhất. Đây là một yếu tố tạo sự khác biệt lớn cho các nhà đầu tư trong điều kiện thị trường biến động theo từng khoản khắc.

Khả năng tài chính

Tính đến thời điểm 31/03/2011, tổng tài sản của HSC là 1.975 tỷ đồng. Trong đó vốn chủ sở hữu là 1.631 tỷ đồng. Đây là thế mạnh giúp Công ty có khả năng tham gia các đợt bảo lãnh phát hành lớn với phương thức chắc chắn. Điều này phù hợp với sự gia tăng nhu cầu huy động vốn từ thị trường. Bảng tổng kết tài sản lớn cũng giúp HSC có thể tham gia tích cực vào thị trường trái phiếu.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 28/02/2011 là 416 người (trong đó người nước ngoài là 5 người).

Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Trình độ học vấn	Hội sở	Chi nhánh	Tổng cộng
Trên Đại học	30	13	43
Đại học, Cao đẳng	194	151	345
Khác	23	5	28
Tổng cộng	247	169	416

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án thì nhân viên của Công ty có trách nhiệm và tự nguyện làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 14 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân

viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Đào tạo

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản, nhân viên còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên nhân viên gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

Chính sách phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên

Nhằm tạo động lực phấn đấu cho nhân viên, Công ty thường có chính sách phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên đang làm việc trong công ty theo chương trình ESOP của từng thời kỳ.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty thực hiện chính sách chi trả cổ tức theo qui định của Luật doanh nghiệp và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị Công ty dự kiến sẽ duy trì một mức cổ tức hợp lý cho các cổ đông và đảm bảo mức tích lũy tái đầu tư cho Công ty.

Công ty trả cổ tức 20%/ vốn điều lệ trong năm 2007, năm 2008 do tình hình kinh doanh khó khăn nên cổ tức trả cổ đông là 10%, năm 2009 là 20% và năm 2010 là 17%.

Theo kế hoạch hoạt động năm 2011 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2010

thông qua, cổ tức năm 2011 được dự kiến chi trả từ 10% đến 12%/ Vốn điều lệ.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Trích khấu hao tài sản cố định

Từ năm 2004, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Kể từ năm 2010 công ty áp dụng mức khấu hao theo Quyết định 203/2009/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Loại tài sản	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50
Máy móc thiết bị	5-15
Phương tiện vận tải	6-30
Vật dụng văn phòng	3-10
Tài sản cố định khác	4-25

Mức lương bình quân

Lương nhân viên bình quân của công ty trong quý 4 năm 2010 là 10,5 triệu đồng /tháng/người. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản lương, thưởng, phụ cấp.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Vào thời điểm 31/03/2011, Công ty không có bất kỳ một khoản nợ phải trả quá hạn nào. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với khách hàng.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty kê khai và thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty. Việc trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lãi ròng hàng năm, quỹ này được trích cho đến khi bằng 100% vốn điều lệ của công ty.
- Trích quỹ dự trữ bắt buộc (dự phòng tài chính) bằng 5% lãi ròng hàng năm, quỹ này được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của công ty.

Số dư các quỹ tại cuối năm 2009, 2010 và 31/3/2011 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Quỹ đầu tư phát triển	3.961	3.961	3.961
Quỹ dự trữ bắt buộc	27.049	36.164	36.164
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	27.049	36.165	36.165
Quỹ dự trữ khác	1.110	-	-
Quỹ phúc lợi khen thưởng	9.895	-	-
TỔNG CỘNG	69.064	76.290	76.290

Nguồn: Báo cáo tài chính của HSC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và Quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC

Tổng dư nợ vay ngân hàng

Đến 31/03/2011, Công ty không có khoản nợ vay ngân hàng nào.

Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản phải thu	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Phải thu khách hàng	1.129	1.187	910
Trả trước cho người bán	150	249	925
Phải thu hoạt động giao dịch CK	655.157	846.656	653.920
Phải thu khác	253.052	86.767	94.747
Dự phòng phải thu khó đòi	(20.847)	(18.834)	(18.834)
Tổng cộng	888.641	916.025	731.668

Nợ phải trả	31/12/ 2009	31/12/2010	31/03/2011
Nợ ngắn hạn	539.363	933.988	342.052
Phải trả người bán	161	16	19
Thuế và các khoản phải nộp	35.831	12.538	12.288
Chi phí trích trước phải trả	9.216	12.301	1.334
Phải trả hoạt động giao dịch CK	448.762	819.535	243.627
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.898	5.756	2.002
Quỹ phúc lợi khen thưởng	-	15.961	15.709
Phải trả phải nộp khác	43.495	67.881	67.073
Nợ dài hạn	1.782	1.820	1.820
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.782	1.820	1.820
TỔNG CỘNG	541.145	935.808	343.872

Nguồn: Báo cáo tài chính của HSC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và Quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC

Danh mục đầu tư tài chính như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/ 2009	31/12/2010	31/03/2011
Đầu tư tài chính ngắn hạn	267.505	176.895	163.516
Giá gốc Cổ phiếu đầu tư	348.596	246.027	212.933
Dự phòng giảm giá CK	(81.091)	(69.132)	(49.417)
Đầu tư tài chính dài hạn	52.671	20.597	89.928
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	-	69.331
Trái phiếu	52.671	20.597	20.597
Cộng Đầu tư tài chính	320.176	197.492	253.444

Nguồn: Báo cáo tài chính của HSC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và Quý 1/2011 chưa kiểm toán của HSC

Giá trị của Danh mục đầu tư của HSC cuối năm 2010 giảm 38,3% so với cuối năm 2009 và cuối quý 1/ 2011 tăng 28,3% so với cuối năm 2010. Trong quý 1/ 2011 danh mục đầu tư của HSC tăng chủ yếu là do đầu tư vào chứng chỉ quỹ VF1. Đến 31/03/2011 HSC nắm giữ 6,55% vốn điều lệ của VF1.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,63	2,50
Hệ số thanh toán nhanh (lần)		
TSLĐ - Hàng tồn kho	3,63	2,50
Nợ ngắn hạn		
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,26	0,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,36	0,59
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay vốn lưu động (vòng)		
Doanh thu thuần/TSLĐ	0,25	0,20
Vòng quay tổng tài sản (vòng)		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,28	0,20
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	56,6%	38,7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	19,5%	11,7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	15,6%	7,9%

Nguồn: Báo cáo tài chính của HSC năm 2009 và 2010 đã được kiểm toán.

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

12.1 Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Chủ tịch	Ông Đỗ Hùng Việt	10/10/1954	024097658
Phó chủ tịch	Ông Lê Thanh Liêm	17/02/1958	020829128
Phó chủ tịch	Ông Lê Anh Minh	25/12/1969	022382871
Ủy viên	Ông Trịnh Hoài Giang	28/11/1969	022044210
Ủy viên	Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	13/08/1961	010160129

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Ủy viên	Ông Johan Nyvene	29/06/1965	461756487
Ủy viên	Ông Hoàng Đình Thắng	13/01/1962	022777188

Ông ĐỖ HÙNG VIỆT

Giới tính : Nam
 Sinh ngày : 10 tháng 10 năm 1954
 Nơi sinh : Sài Gòn
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số chứng minh thư nhân dân : 024097658 cấp ngày 11/04/2003 tại CA TP.HCM
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 239 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
 Chỗ ở hiện tại : 239 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
 Điện thoại cơ quan : (08) 3823 3299
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Khoa Ngân hàng
 Quá trình công tác
 2011 –nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
 2006-2011 : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
 2003-2006 : Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
 1998-2002 : Trưởng phòng các nguồn vốn ủy thác HIFU
 Chức vụ hiện nay
 Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP HCM
 Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán VN
 Số cổ phần nắm giữ
 Sở hữu cá nhân : 86.625 cổ phần
 Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Những người có liên quan : Con ruột là Đỗ Trí Đức nắm giữ 200 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : không
 Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

ÔNG NGUYỄN THANH LIÊM

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 17 tháng 02 năm 1958

Nơi sinh : Xã Hội An, Quận Trú Giang, Tỉnh Bến Tre

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 020829128 cấp ngày 05/12/2007 tại CA TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 684/34 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM

Chỗ ở hiện tại : 684/34 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM

Điện thoại cơ quan : (08) 38214 244

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

2010-nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM

2007-2009 : Phó Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU)

2005-2006 : Giám đốc Trung tâm Thẩm định giá và bán đấu giá tài sản

1994- 2004 : Trưởng phòng Công sản và Trưởng phòng Ngân sách Sở Tài chính

Chức vụ hiện nay

Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC)

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Đại diện sở hữu : 12.600.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Ông LÊ ANH MINH

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 25 tháng 12 năm 1969
 Nơi sinh : Sài Gòn
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số chứng minh thư nhân dân : 022382871 cấp ngày 13/03/2008 tại CA. TP.HCM
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 101/18 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, TP.HCM
 Chỗ ở hiện tại : 351/1C Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại cơ quan : (08) 3823 9355
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cao học Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

2010-nay : Phó Tổng Giám Đốc – Phụ trách Tài chính (CFO) Dragon Capital Group (DCG)
 2002-2010 : Giám Đốc Dragon Capital Markets Limited (DC)
 1998-2002 : Giám Đốc Tài chính Coca – Cola SEA
 1993-1996 : Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đại Nam
 1991-1993 : Giám đốc Dự án Peregrine Capital Việt Nam

Chức vụ hiện nay

Phó Tổng Giám Đốc – Phụ trách Tài chính (CFO) Dragon Capital Group (DCG)
 Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ:

Sở hữu cá nhân : 21.105 cổ phần
 Đại diện sở hữu Dragon Capital : 9.427.320 cổ phần

Những người có liên quan : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không
 Các khoản nợ đối với công ty : không
 Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Ông PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC

Giới tính : Nam
 Sinh ngày : 13 tháng 08 năm 1961
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số chứng minh thư nhân dân : 010160129 cấp ngày 06/01/2004 tại CA. TP Hà

Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 33 Ngách 6/14, Đội Nhân, Q.Ba Đình, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : 33 Ngách 6/14, Đội Nhân, Q.Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (04) 3934 0629

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật

Quá trình công tác

1999-nay : Tổng Giám Đốc Công ty Vision & Associates

1989-1999 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty InvesConsult

Chức vụ hiện nay

Tổng Giám đốc Công ty Vision & Associates

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hường

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 378.324 cổ phần

Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Những người có liên quan : Anh ruột là Phạm Nghiêm Xuân Bình nắm giữ 19 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Ông JOHAN NYVENE

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 29 tháng 06 năm 1965

Nơi sinh : Sài Gòn

Quốc tịch : USA

Dân tộc : Kinh

Số hộ chiếu : 461756487 cấp ngày 18/08/2009 tại Bộ Ngoại
Giao Hoa Kỳ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 43, Đường số 2, Khu Nam Phú, Trần Trọng Cung,
P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP HCM

Chỗ ở hiện tại : 43, Đường số 2, Khu Nam Phú, Trần Trọng Cung,
P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM

Điện thoại cơ quan : (08) 3823 3299

Trình độ văn hoá : Cử nhân

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác

05/2007-nay : Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
2005-2007 : Giám Đốc Chi nhánh ngân hàng HSBC tại Hà Nội.
1998-2005 : Giám Đốc Nghiệp vụ Tài chính Toàn cầu, Ngân hàng HSBC Việt Nam tại TP.HCM
1990- 1998 : Giám Đốc Nghiệp vụ Ngân hàng Quốc tế Corestates First Union Bank, Philadelphia, USA

Chức vụ hiện nay

Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 135.200 cổ phần
Đại diện sở hữu Dragon Capital : 9.427.320 cổ phần

Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Ông HOÀNG ĐÌNH THẮNG

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 13 tháng 01 năm 1962

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 022777118 cấp ngày 27/04/2005 tại CA. TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 557/T4 Nguyễn Tri Phương, P.14, Q.10, TP.HCM

Chỗ ở hiện tại : 557/T4 Nguyễn Tri Phương, P14, Q.10, TP.HCM

Điện thoại cơ quan : 8 38 214 244

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kinh tế

Quá trình công tác

2003-nay : Trưởng phòng Kế hoạch HFIC
1997-2003 : Phó phòng Kế hoạch HIFU
1993-1997 : Chuyên viên đầu tư Công ty IMC

1990-1993 : Phó Phòng đầu tư LIKSIN

Chức vụ hiện nay

Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC)

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Đại diện sở hữu HFIC : 5.400.000 cổ phần

Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Ông TRỊNH HOÀI GIANG

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 28 tháng 01 năm 1969

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 022044210 cấp ngày 02/12/2008 tại TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 41/11 Trần Hữu Trang, P.11, Q.Phú Nhuận,
TP.HCM

Chỗ ở hiện tại : 41/11 Trần Hữu Trang, P.11, Q.Phú Nhuận,
TP.HCM

Điện thoại cơ quan : (08) 38 233 299

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

05/2007-nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP HCM

2005-04/2007 : Giám đốc Nghiệp vụ Dragon Capital Markets Limited

2003-2005 : Học MBA tại Hoa Kỳ

2001-2003 : Chuyên viên tín dụng NH Vietcombank

1994-2001 : Chuyên viên quản lý vốn & kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng
Vietcombank

Chức vụ hiện nay

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP HCM

Ủy viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM

Ủy viên HĐQT Công ty CP XNK Y Tế Domesco

Phó chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái phiếu VN

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 95.825 cổ phần

Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Những người có liên quan : Em ruột là Trịnh Hoài Nam nắm giữ 3 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

12.2 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Ông Võ Văn Châu	11/12/1953	020588185
Ủy viên	Ông Đoàn Văn Hình	16/05/1953	020561861
Ủy viên	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	03/06/1954	020748624

Ông VÕ VĂN CHÂU

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 11 tháng 12 năm 1953

Nơi sinh : Vĩnh Long

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 020588185 cấp ngày 10/02/2006 tại CA. TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 18/4 Thích Quảng Đức, P.5, Q.PN, TP.HCM

Chỗ ở hiện tại : 18/4 Thích Quảng Đức, P.5, Q.Phú Nhuận,
TP.HCM

Điện thoại : 0918 261 009

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

08/2009 – nay : Cố vấn Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Đại Tín
2002- 05/2009 : Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông
1993-2002 : Giám Đốc Chi Nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu
1986-1992 : Cán bộ Sở Lao Động TBXH TP.HCM
1979-1986 : Giảng viên trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Chức vụ hiện nay

Cố vấn Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Đại Tín
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 28.315 cổ phần
Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Những người có liên quan : không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không
Các khoản nợ đối với công ty : không
Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Ông ĐOÀN VĂN HINH

Giới tính : Nam
Sinh ngày : 16 tháng 05 năm 1953
Nơi sinh : Huế
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số chứng minh thư nhân dân : 020561861 cấp ngày 07/01/2002 tại CA. TP HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 136bis/8 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, TP HCM
Chỗ ở hiện tại : 136bis/8 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, TP HCM
Điện thoại cơ quan : (08) 3836 0143
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

10/2007-nay : Giám đốc tài chính CTCP Đầu tư- Phát triển Sài Gòn Co-op
1997-10/2007 : Kế toán trưởng Liên Hiệp HTX Thương Mại TP.HCM
1990-1995 : Kế toán trưởng Công ty xuất nhập khẩu & đầu tư Chợ Lớn
1983-1990 : Kế toán trưởng Công ty Tổng hợp thương nghiệp HTX Q.5

Chức vụ hiện nay

Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư- Phát triển Sài Gòn Co-op

Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 2.250 cổ phần

Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Giới tính : Nữ

Sinh ngày : 03 tháng 06 năm 1954

Nơi sinh : Long An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 020748624 cấp ngày 21/05/1997 tại CA. TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 347/157 Lê Đại Hành, P.13, Q.11, TP HCM

Chỗ ở hiện tại : 134 Quốc Lộ 1-An Phú Tây – Bình Chánh,
TP.HCM

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Khoa Ngân hàng

Quá trình công tác

2003-nay : Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty Thiên Phú

1996-2003 : Phó Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng CP VP Bank

1977-1980 : Kế toán trưởng NHNN tại Long An và Ngoại Thương

Chức vụ hiện nay

Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Thiên Phú

Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 47.139 cổ phần

Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

12.3 Danh sách thành viên ban Tổng Giám đốc

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND
Tổng Giám đốc	Ông Johan Nyvene	29/06/1965	461756487
Phó tổng giám đốc	Ông Phạm Minh Phương	23/10/1973	022792488
Phó tổng giám đốc	Ông Trịnh Hoài Giang	28/11/1969	022044210

Ông JOHAN NYVENE

(Xem phần 12.1 Ông Johan Nyvene - Ủy viên HĐQT)

Ông PHẠM MINH PHƯƠNG

Giới tính : Nam
Sinh ngày : 23 tháng 10 năm 1973
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số chứng minh thư nhân dân : 022792488 cấp ngày 13/09/2008 tại CA. TP HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 88D Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP HCM
Chỗ ở hiện tại : 88D Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP HCM
Điện thoại cơ quan : (08) 38 233 299
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ
Quá trình công tác
2006-nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán TP HCM
2003-2006 : Phó Trưởng phòng Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị TP.HCM
1996-1998 : Nhân viên kinh doanh Cty TM kỹ thuật & đầu tư - PETEC
Chức vụ hiện nay : Phó TGĐ Cty cổ phần Chứng khoán TP HCM
Số cổ phần nắm giữ
Sở hữu cá nhân : 83.145 cổ phần
Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Các khoản nợ đối với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

Ông TRỊNH HOÀI GIANG

(Xem phần 12.1 Ông Trịnh Hoài Giang - Ủy viên HĐQT)

Ông LÂM HỮU HỒ (Kế toán trưởng)

Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 25 tháng 07 năm 1974
Nơi sinh	: Sài Gòn
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 022661078 cấp ngày 27/09/2001 tại CA. TP HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 224/4C Phạm Văn Chí, P.4, Q.6, TP HCM
Chỗ ở hiện tại	: 224/4C Phạm Văn Chí, P.4, Q.6, TP HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 3823 3299
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

2007 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chứng khoán TP HCM

2003 -2007 : Nhân viên Công ty Dầu thực vật Cái Lân

1996-2003 : Nhân viên Công ty kiểm toán KPMG Việt Nam

Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chứng khoán TP HCM

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 55.250 cổ phần

Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Những người có liên quan : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

13. TÀI SẢN

Diện tích hoạt động

Hiện nay, HSC đang ký hợp đồng thuê đối với tất cả mặt bằng sử dụng làm Trụ sở chính, Chi nhánh và các Phòng giao dịch, chi tiết như sau:

ST T	Văn phòng	Địa điểm	Thời gian thuê	Diện tích sử dụng
TP.HCM				
1	Hội sở chính và Phòng giao dịch	Lầu 1 Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP.HCM	Từ 01/7/2009 đến 14/5/2011	Sàn giao dịch: 395 m ²
2	Dự kiến sẽ làm trụ sở chính mới và Sàn giao dịch	Số 76 Lê Lai, Quận 1, Tp.HCM	Thuê 40 năm kể từ 01/05/2010	Tổng diện tích 1.802 m ² , trong đó sàn giao dịch chiếm 500 m ²
3	Phòng giao dịch	Số 569-573 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP HCM	Từ 30/12/2009 đến 30/12/2014	Sàn giao dịch: 328 m ²
Hà Nội				
5	Chi nhánh	Số 6 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Từ 01/7/2009 đến 09/7/2012	Văn phòng: 480 m ² Sàn giao dịch: 120 m ²
6	Phòng giao dịch	17 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Từ 01/10/2009 đến 30/9/2014	Sàn giao dịch: 393 m ²
7	Phòng giao dịch	193C Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Từ 03/02/2010 đến 03/02/2015	Sàn giao dịch: 510 m ²
8	Phòng giao dịch	B14 Phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Từ 17/05/2010 đến 16/05/2015	Sàn giao dịch: 390 m ²

Hệ thống mạng, máy tính và phần mềm

Hệ thống mạng gồm máy chủ, các trạm làm việc, các thiết bị phụ trợ, đường truyền cho cả Hội sở và Chi nhánh Hà Nội. Phần mềm bao gồm license cho phần mềm giao dịch, kế toán, và các phần mềm tiện ích trên máy chủ và trạm làm việc.

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM 2011

14.1 Kế hoạch kinh doanh trong năm 2011

Trong năm 2011, HSC đặt ra mục tiêu sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa. Công ty sẽ tận dụng những lợi thế đã đạt được làm đà phát triển và mở rộng thị trường nhằm củng cố vững chắc vị thế của mình là công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Trong năm 2011, HSC đưa ra các mục tiêu sau:

➤ *Tăng cường năng lực vốn để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh:*

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên cho năm tài chính năm 2010 ngày 08/4/2011 của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty từ 600 tỷ đồng lên hơn 1.000 tỷ đồng trong năm 2011.

➤ *Tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược:*

- Tìm kiếm cơ hội kết nối các sản phẩm ngân hàng đầu tư với hoạt động quản lý quỹ;
- Mở rộng tìm kiếm dịch vụ môi giới ra phạm vi quốc tế;
- Liên kết với các công ty chứng khoán toàn cầu và đưa nguồn vốn nước ngoài vào Việt Nam;
- HSC nhắm tới việc tiếp cận những đối tác lớn hơn, có năng lực, có sự tương đồng với HSC và có nguồn lực mạnh với mục đích huy động thêm nhiều nguồn lực và năng lượng cho bộ máy hoạt động của HSC.

➤ *Tiếp tục xây dựng văn hoá lãnh đạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa.*

➤ *Đạt được kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 cao hơn năm 2010.*

14.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2011

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	
		Kế hoạch	Tăng (giảm) so với 2010
Doanh thu thuần HĐKD	470.849	565.033	20,0%
Chi phí hoạt động và quản lý	243.018	268.500	10,5%

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	
		Kế hoạch	Tăng (giảm) so với 2010
Lợi nhuận trước thuế	227.901	296.533	30,1%
Lợi nhuận sau thuế	182.312	237.227	30,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	38,72%	41,99%	3,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH bình quân	11,66%	12,49%	0,8%
Vốn điều lệ	600.000	1.010.000	68,3%
Cổ tức /Mệnh giá	17%	10% đến 12%	-40%

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên cho năm tài chính năm 2010 ngày 08/4/2011 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2011 là từ 10% đến 12%/Vốn điều lệ.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2011

Kế hoạch kinh doanh năm 2011 của HSC dựa trên những giả thiết về khối lượng giao dịch của thị trường năm 2011 tăng trưởng 20% so với năm 2010 và HSC đi đến dự báo về giá trị giao dịch bình quân năm 2011 là 3.000 tỷ đồng/ ngày.

Thị phần môi giới của HSC hiện nay nằm trong 3 công ty chứng khoán đứng đầu thị trường. Hiện nay HSC đã đầu tư cơ sở vật chất cũng như nhân sự cho hoạt động môi giới và kết quả là thị phần môi giới của HSC ngày càng tăng. Ngoài ra, số lượng công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán ngày càng tăng và giá trị giao dịch cũng ngày càng tăng. Với mục tiêu đặt ra là thị phần môi giới năm 2011 của HSC là 6,8% so với năm 2010 là 5,88%, mục tiêu này được xây dựng trên dự báo HSC sẽ tiếp tục mở rộng cả hoạt động kinh doanh môi giới tổ chức và kinh doanh môi giới cá nhân một cách mạnh mẽ. Với nguồn vốn tự có dồi dào, HSC còn cung cấp cho khách hàng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán và hợp tác đầu tư. Với những ưu điểm của hoạt động môi giới cùng với các dịch vụ hỗ trợ tài chính đi kèm của HSC thì đây là mảng hoạt động đã và sẽ mang lại nhiều lợi nhuận cho HSC trong năm 2011 và trong tương lai.

Trong mảng kinh doanh môi giới khách hàng tổ chức, HSC đã tạo được mối quan hệ đối tác và sự hợp tác với nhiều nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước giúp HSC tạo ra những tiền đề trong thị trường sơ cấp thông qua việc thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa chức năng tìm kiếm dự án của bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp và chức năng kinh doanh của bộ phận Môi giới khách hàng tổ chức. Những thế mạnh hiện tại trong lĩnh vực phân tích đối với các

sản phẩm thị trường thứ cấp, điều này sẽ tiếp tục giúp HSC giữ được địa vị đứng đầu trong lĩnh vực phục vụ các nhà đầu tư tổ chức.

Với tiềm lực tài chính vững mạnh, vị thế hiện tại của HSC, sự tiếp tục quán triệt nguyên tắc Quản Trị Tập Thể xuyên suốt chiến lược và văn hoá kinh doanh của HSC là nền tảng để HSC tin tưởng vào khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế cho năm 2011 đã được đặt ra.

15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có.

16. CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CÔNG TY

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. **Loại chứng khoán** : cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá** : 10.000 đồng
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán** : 39.894.627 cổ phiếu
4. **Tổng trị giá phát hành theo mệnh giá** : 398.946.270.000 đồng
5. **Đối tượng được mua cổ phiếu mới phát hành và giá chào bán dự kiến**
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
 - Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 3:2 (cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu hiện hữu được quyền mua 2 cổ phiếu mới). Cổ phiếu đang lưu hành (đến ngày 24/02/2011) là 59.841.941 (sau khi đã trừ 157.745 cổ phiếu quỹ). Số cổ phiếu mới dự kiến phát hành thêm theo tỷ lệ thực hiện quyền 3:2 là 39.894.627 cổ phiếu.
 - Giá chào bán dự kiến: 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phiếu.
 - Quyền mua cổ phiếu: Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm được phép chuyển nhượng.
 - Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Xử lý số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua (nếu có): Đối với số lượng cổ phiếu chưa phát hành hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn và quyết định, với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 50 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 3:2, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được quyền phân bổ thêm số cổ phiếu mới là $(50 \times 2) / 3 = 33,3$ cổ phiếu. Như vậy, do làm tròn xuống hàng đơn vị nên cổ đông A sẽ được quyền mua 33 cổ phiếu.
 - Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện: Quý II năm 2011.
6. **Phương pháp tính giá**

Tại ngày 31/03/2011, Giá trị sổ sách của một cổ phiếu HCM là:

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu	1.630.891.588.167 đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	59.841.941 cổ phiếu
Giá trị sổ sách/ 1 cổ phiếu	27.253 đồng/ cp

Nguồn: Báo cáo tài chính quý 1 năm 2011 chưa kiểm toán của HSC.

Để tạo tính hấp dẫn cho đợt phát hành và do phát hành cho cổ đông hiện hữu, HSC phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng / cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Chứng khoán phát hành thêm chào bán cho các cổ đông hiện hữu được Công ty phân phối trực tiếp tại Công ty đối với chứng khoán chưa lưu ký và phân phối thông qua các công ty chứng khoán là thành viên lưu lý đối với chứng khoán đã lưu ký.

8. Thời gian dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu sẽ được phân phối chào bán cho các đối tượng được chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty có Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện trong Quý II/2011.

Lịch trình chào bán cổ phiếu:

STT	Công việc	Thời gian
1	UBCKNN cấp Giấy phép phát hành	D
2	Làm việc với SGDCK và TT Lưu ký CK để triển khai công tác chào bán cổ phiếu	D+3
3	Công bố thông tin về việc chào bán trên bản tin TTCK	(D+5) → (D+7)
4	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	D+20
5	TT Lưu ký gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho các Thành viên Lưu ký	D+26
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	(D+28) → (D+43)
7	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	(D+28) → (D+48)

STT	Công việc	Thời gian
8	Các Thành viên Lưu ký nộp tiền và danh sách người đăng ký mua CP cho TT Lưu ký	(D+49) → (D+52)
9	TT Lưu ký gửi thông báo và chuyển tiền cho HSC	(D+54) → (D+55)
10	Thực hiện bán số cổ phiếu của cổ đông không mua hết cho các đối tượng khác theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt	(D+56) → (D+66)
11	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	D+70

(Ghi chú: Thời gian trên chỉ tính theo ngày làm việc)

Lưu ý: Nếu quá thời hạn nộp tiền mua cổ phần mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

9. Phương thức thực hiện quyền

Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách để phân bổ quyền mua sẽ tiến hành đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ 3:2

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần. Người sở hữu quyền mua trực tiếp tìm đối tác và thỏa thuận mức giá chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện theo các thủ tục quy định hiện hành.

Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm sẽ được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của HSC không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Sau khi đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của các bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, theo thông tư này tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

12. Các loại thuế liên quan

Căn cứ Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi Thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Công văn số 14789 TC/CST ngày 15/12/2004 hướng dẫn về thời hạn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, HSC đã thực hiện trích nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

Về thuế giá trị gia tăng

Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Về thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập, Công ty được áp dụng thuế suất là 20%. Sau khi hết thời gian ưu đãi về thuế thì Công ty phải áp dụng theo mức thuế suất hiện hành. Theo qui định trên thì HSC sẽ được ưu đãi như sau:

- Năm 2003 và 2004 được miễn thuế TNDN;
- Năm 2005, 2006, 2007 được giảm 50% thuế TNDN (nộp với tỷ lệ 10%);
- Từ 2008 - 2012 nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập cá nhân

Theo qui định tại Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30/09/2008 “Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân”, và Thông tư 62/2009/TT-BTC ban hành ngày 27/03/2009 “Hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC”, theo đó nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân như sau:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức :*

Khoản thu nhập từ cổ tức (đối với cổ tức trả bằng tiền mặt). Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động đầu tư vốn = Cổ tức nhận được x Thuế suất 5%

- Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo qui định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, nhà đầu tư có thể chọn lựa 2 hình thức tính thuế như sau:

- Nếu nhà đầu tư chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế (*)} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

(*): Thu nhập tính thuế = Giá bán chứng khoán – (Giá mua chứng khoán + các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng)

Cá nhân chuyển nhượng đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

- Nếu nhà đầu tư không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hiệu tài khoản: 068704070002627

Mở tại: Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh (HD Bank)

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

- Để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính, giúp HSC mở rộng hoạt động kinh doanh của mình và nâng cao năng lực cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt khi thị trường tài chính Việt Nam mở cửa cho khu vực và thế giới.
- Nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành và có nguồn lực tài chính để đẩy mạnh hoạt động tự doanh và giao dịch mua bán trái phiếu.
- Việc tăng vốn điều lệ, tăng vốn chủ sở hữu còn mang ý nghĩa nâng cao vị thế của Công ty trong ngành chứng khoán, tạo uy tín về tiềm lực tài chính giúp Công ty có thể cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác trong ngành và nó còn mang lại lợi thế về hình ảnh đẹp đối với các đối tác, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Với nguồn tài chính dồi dào không chỉ giúp công ty có đủ nguồn lực để nắm bắt kịp thời các cơ hội, thời cơ quý báu

mà còn giúp công ty trụ vững trong những thời kỳ khó khăn, không thuận lợi của môi trường kinh doanh.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán trái phiếu ra công chúng, chi tiết như sau:

Đối tượng được chào bán	Số lượng CP chào bán	Giá bán dự kiến	Tổng giá trị (đồng)
Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	39.894.627 cổ phiếu	10.000	398.946.270.000

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành:

STT	Hoạt động cần đầu tư	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	Mua bán trái phiếu	100,00	25,06%
3	Hoạt động tự doanh	148,95	37,34%
4	Bảo lãnh phát hành	150,00	37,60%
	Cộng	398,95	100%

2. Căn cứ dự kiến để triển khai sử dụng vốn cho hoạt động tự doanh, mua bán trái phiếu và bảo lãnh phát hành trong tình hình thị trường chứng khoán hiện nay:

HSC xây dựng kế hoạch sử dụng tiền dựa trên nhu cầu cần được đầu tư mở rộng của các hoạt động trong vòng hai năm tới. Trong thời gian này HSC dự kiến sẽ hạn chế vay từ ngân hàng do các quy định mới từ Ngân hàng Nhà nước và thị trường có thể sẽ phục hồi khi nền kinh tế đi vào ổn định. Do tính chất không dự kiến chắc chắn được dòng tiền của các hoạt động này, HSC dự định sẽ dùng vốn tự có, không dùng vốn vay. Cụ thể:

+ Đối với hoạt động Mua bán trái phiếu:

Cùng với nguồn vốn hiện có, HSC dự định đầu tư thêm 100 tỷ đồng từ đợt phát hành này vào trái phiếu chính phủ với lợi suất khoảng 12%/năm đưa tổng số nắm giữ lên từ 400 tỷ đến 500 tỷ đồng để có thể tăng cường hoạt động tạo lập thị trường trên thị trường trái phiếu chính phủ thứ cấp. HSC dự báo giá trị giao dịch trên thị trường này sẽ dần gia tăng. Khi cần tiền mặt cho thanh toán HSC có thể bán bớt một phần kho dự trữ hoặc thực hiện các giao dịch repo trái phiếu. Bên cạnh trái tức, HSC có thể hưởng chênh lệch giá khi tham gia hoạt động tạo lập thị trường.

+ Đối với hoạt động Tự doanh:

Hoạt động tự doanh của HSC bao gồm đầu tư vào các công cụ ngắn hạn của thị trường tiền tệ, vào trái phiếu, và vào cổ phiếu. HSC đang có kế hoạch tăng tự doanh cổ phiếu trong những quý tới, khi thị trường đi vào ổn định hơn. Tổng số đầu tư thêm cho tự doanh dự kiến là 149 tỷ đồng từ đợt phát hành này. HSC sẽ mua một số mã niêm yết và tham gia vào một số đợt IPO của các công ty lớn trong thời gian tới. Nguồn vốn này được chuẩn bị cho thời điểm thị trường hồi phục trong vòng 2 năm tới.

+ Đối với hoạt động Bảo lãnh phát hành:

Để tăng cường hoạt động cho khối ngân hàng đầu tư, HSC dự kiến dành thêm 150 tỷ đồng cho các hợp đồng hợp đồng bảo lãnh phát hành trên cơ sở chắc chắn đã được ký kết và có thể được ký kết từ đây đến hết năm 2012, hiện đang trong quá trình đàm phán.

3. Phương án điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nếu đợt phát hành không thành công

Trường hợp nếu đợt phát hành này không được cổ đông và nhà đầu tư đăng ký mua hết số cổ phần chào bán và số tiền bán thu được từ đợt phát hành cũng giảm tương ứng. Trong trường hợp này, tùy theo tình hình của đợt phát hành, số tiền sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành sẽ được điều chỉnh giảm đều cho các khoản mục dự kiến sẽ sử dụng vốn từ đợt phát hành, cụ thể mức tỷ lệ sử dụng vốn được phân bổ cho các khoản mục đầu tư như sau:

STT	Hoạt động cần đầu tư	Tỷ lệ phân bổ tiền thu được từ đợt phát hành
1	Mua bán trái phiếu	25,06%
3	Hoạt động tự doanh	37,34%
4	Bảo lãnh phát hành	37,60%
	Cộng	100,00%

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84) 8. 3821 9266 **Fax**(+84) 8. 3821 9267

Website : www.ey.com

TP. HCM, ngày 19 tháng 7 năm 2011

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




ĐỖ HÙNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



JOHAN NYVENE

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT




VÕ VĂN CHÂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÂM HỮU HỒ

PHỤ LỤC

Phụ lục 1	Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động
Phụ lục 2	Điều lệ tổ chức và hoạt động của HSC
Phụ lục 3	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010 thông qua phương án phát hành
Phụ lục 4	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 , 2010 và báo cáo tài chính Quý I/2011 chưa kiểm toán của HSC.
Phụ lục 6	Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS.

Số: 332 /UBCK-GP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2010

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 11/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 04 năm 2003 cho Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

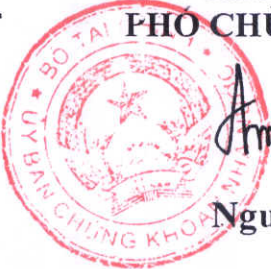
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 04 năm 2003 với nội dung sau:

- **Vốn điều lệ: 599.996.860.000** (Năm trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 04 năm 2003 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc; Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giữ 01 bản; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ 01 bản.

KT. CHỦ TỊCH ✓
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đoàn Hùng

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1	Định nghĩa.....	5
CHƯƠNG II	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III	LĨNH VỰC, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	7
Điều 3	Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4	Phạm vi hoạt động và kinh doanh.....	8
Điều 5	Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán	8
Điều 6	Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và hoạt động của Công ty.....	8
Điều 7	Quyền và nghĩa vụ của Công ty	9
Điều 8	Các quy định hạn chế	10
Điều 9	Các quy định về kiểm soát nội bộ	11
Điều 10	Các quy định về bảo mật thông tin.....	11
Điều 11	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....	12
CHƯƠNG IV	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	12
Điều 12	Vốn điều lệ, cổ phần.....	12
Điều 13	Cách thức tăng giảm vốn điều lệ.....	13
Điều 14	Chứng chỉ cổ phiếu.....	13
Điều 15	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	14
Điều 16	Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	14
Điều 17	Thu hồi cổ phần.....	15
Điều 18	Mua lại cổ phần.....	15
Điều 19	Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại	16
Điều 20	Phát hành trái phiếu.....	16
Điều 21	Cổ đông của Công ty	16
Điều 22	Sổ đăng ký cổ đông	17
Điều 23	Quyền của cổ đông.....	18
Điều 24	Nghĩa vụ của cổ đông.....	20
CHƯƠNG V	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.....	20
Điều 25	Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	20
CHƯƠNG VI	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
Điều 26	Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 27	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 28	Các đại diện được ủy quyền.....	23
Điều 29	Thay đổi các quyền	24

Điều 30	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 31	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 32	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 33	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 34	Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 35	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 36	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
CHƯƠNG VII	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 37	Hội đồng quản trị	31
Điều 38	Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng Quản trị.....	31
Điều 39	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.....	32
Điều 40	Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên Hội đồng Quản trị.....	34
Điều 41	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	34
Điều 42	Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế.....	35
Điều 43	Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Biên bản họp	36
Điều 44	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	39
CHƯƠNG VIII	TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ HĐQT	40
Điều 45	Tổ chức bộ máy quản lý	40
Điều 46	Cán bộ quản lý	40
Điều 47	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	40
Điều 48	Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành Tổng Giám đốc.....	42
Điều 49	Thư ký Hội đồng Quản trị	42
CHƯƠNG IX	BAN KIỂM SOÁT.....	43
Điều 50	Thành viên Ban Kiểm soát	43
Điều 51	Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát	44
CHƯƠNG X	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	45
Điều 52	Trách nhiệm cẩn trọng.....	45
Điều 53	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46
Điều 54	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
Điều 55	Nghĩa vụ khác của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Cán bộ quản lý	47
Điều 56	Hợp đồng, giao dịch của Công ty với Những người có liên quan	48
CHƯƠNG XI	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	48
Điều 57	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	48
CHƯƠNG XII	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 58	Công nhân viên và công đoàn.....	48
CHƯƠNG XII	NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ	49
Điều 59	Điều khoản chia lợi nhuận	49
Điều 60	Cổ tức	49
Điều 61	Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	50
Điều 62	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	50
CHƯƠNG XIV	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	50

Điều 63	Tài khoản ngân hàng	50
Điều 64	Trích lập các Quỹ theo quy định.....	50
Điều 65	Năm tài khóa	50
Điều 66	Hệ thống kế toán	51
CHƯƠNG XV	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	51
Điều 67	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	51
Điều 68	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	51
CHƯƠNG XVI	KIỂM TOÁN CÔNG TY	52
Điều 69	Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVII	CON DẤU.....	52
Điều 70	Con dấu.....	52
CHƯƠNG XVIII	TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ.....	52
Điều 71	Tổ chức lại Công ty	52
Điều 72	Tổ tụng tranh chấp.....	52
Điều 73	Chấm dứt hoạt động	52
Điều 74	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên hội đồng Quản trị và cổ đông	53
Điều 75	Phá sản.....	53
Điều 76	Thanh lý.....	53
CHƯƠNG XIX	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	54
Điều 77	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
CHƯƠNG XX	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	54
Điều 78	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	54
CHƯƠNG XXI	NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 79	Ngày hiệu lực	55

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

1. Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
3. Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 24 tháng 4 năm 2007 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Công ty Chứng khoán; và
4. Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 19 tháng 3 năm 2007 về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là Công ty cổ phần được thành lập và thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Công ty được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này được Đại hội Đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2009.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. **“Công ty”** hay **“HSC”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
 - b. **“Vốn điều lệ”** có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.
 - c. **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - d. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006.
 - e. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - f. **“Điều khoản”** có nghĩa là một Điều khoản của Điều lệ này.
 - g. **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - h. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996, và các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định này tùy từng thời điểm.

- i. **“Cán bộ quản lý”** có nghĩa là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc chi nhánh, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
 - j. **“Ban Tổng Giám đốc”** có nghĩa là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
 - k. **“Những người liên quan”** có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - l. **“Cổ đông lớn”** có nghĩa là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - m. **“Cổ phiếu quỹ”** có nghĩa là cổ phiếu do Công ty đã phát hành và được chính Công ty mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp.
 - n. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - o. **“UBCKNN”** có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
 - 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 - 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- 1. Tên Công ty:
 - a. Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
 - b. Tên tiếng Anh: **Ho Chi Minh City Securities Corporation**
 - c. Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
 - d. Tên viết tắt: **HSC**
- 2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ: **Tầng 1,2,3 Số 6 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

- b. Điện thoại: (+84 8) 3 823 3299
 - c. Fax: (+84 8) 3 823 3301
 - d. E-mail: info@hsc.com.vn
 - e. Website: www.hsc.com.vn
4. Đại diện theo pháp luật của Công ty:
- a. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp Tổng Giám đốc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao trong các trường hợp được Điều lệ và Pháp luật có quy định thì đại diện tạm thời theo pháp luật của Công ty sẽ là Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho đến khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
 - b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của Pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch hoặc các địa điểm kinh doanh khác, tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty sau khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản, và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 75 và Điều 76, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. LĨNH VỰC, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 3. Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
- a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; và
 - e. Lưu ký chứng khoán.

Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một trong những loại hình kinh doanh trên sau khi được UBCKNN phê duyệt.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
- a. Tăng trưởng lợi ích bền vững cho tất cả các bên tham gia Công ty;
 - b. Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ gia tăng giá trị vượt mức mong đợi của khách hàng;

- c. Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, một ngôi nhà thứ hai của các tài năng; và
- d. Góp phần xây dựng kinh tế xã hội của đất nước.

Điều 4. Phạm vi hoạt động và kinh doanh

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

Điều 5. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

Công ty hoạt động theo các nguyên tắc chung sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác của Pháp luật;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng; và
9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện; bình đẳng; dân chủ; công khai; tôn trọng pháp luật; bảo toàn vốn và sinh lợi, và áp dụng các thực tiễn quản lý tốt nhất và cách thức quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, trong hoạt động của Công ty;
2. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty;

3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng Quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty giữa các kỳ Đại hội đồng cổ đông; và
5. Người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị của Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm, tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và các quy định của Pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty:
 - a. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính và do Công ty quy định, phù hợp với các quy định của Pháp luật;
 - c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn, theo quy định của Pháp luật;
 - d. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
 - e. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn theo các quy định của Pháp luật;
 - f. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng Quản trị và phù hợp với các quy định của Pháp luật;
 - g. Sử dụng ngoại tệ thu được theo quy định của Pháp luật về quản lý ngoại hối;
 - h. Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;
 - i. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định;
 - j. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
 - k. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Pháp luật;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Công ty:
 - a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Những người liên quan;

- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng;
- f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng, về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định của Pháp luật;
- g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- h. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- i. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Pháp luật;
- j. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật;
- k. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Pháp luật;
- l. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo Điều 28 của Luật Chứng khoán; và
- m. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 8. Các quy định hạn chế

- 1. Quy định hạn chế đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán; và
 - d. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

2. Quy định hạn chế đối với thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty:
 - a. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị của công ty chứng khoán khác;
 - b. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác;
3. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, (các) Giám đốc chi nhánh và người hành nghề chứng khoán của Công ty:
 - a. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác, bất kể có hay không có quan hệ sở hữu với Công ty. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên của một công ty chứng khoán khác;
 - b. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - c. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty; và
 - d. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác.

Điều 9. Các quy định về kiểm soát nội bộ

1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
3. Định kỳ, Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 10. Các quy định về bảo mật thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ; và
 - c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và quy định của Pháp luật.

Điều 11. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 12. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **599.996.860.000 đồng (năm trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu tám trăm sáu chục ngàn đồng Việt Nam)**.
Tổng Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 59.999.686 (năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi sáu) cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần.
2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của người sở hữu cổ phần được quy định tại phần quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Tùy theo tình hình thị trường tài chính, tùy theo nhu cầu tài trợ và sử dụng vốn của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông để quyết định việc phát hành thêm một số cổ phần ưu đãi khác như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng với phương cách áp dụng. Quyền của các cổ phần ưu đãi này (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 13. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật khi:
 - a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng bằng các phương thức sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu; và/ hoặc
 - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng Vốn điều lệ.
4. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ, giá cổ phiếu phát hành mới phù hợp với điều kiện thị trường, tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị, và phù hợp với quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
5. Công ty có thể giảm Vốn điều lệ trong trường hợp các nguồn vốn hoạt động của Công ty dư thừa hoặc do Công ty giảm quy mô hoạt động hoặc thu hẹp phạm vi kinh doanh, nhưng phải bảo đảm mức vốn pháp định tối thiểu theo các quy định của Pháp luật.
6. Việc giảm Vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với các quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 14. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Pháp luật. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Pháp luật. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần

theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty, và phải tự chịu mọi trách nhiệm liên quan.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định về việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng, phù hợp với các quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 15. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 16. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:
 - a. Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định Pháp luật.
 - b. Công ty phải đăng ký với UBCKNN khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng.
 - c. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Pháp luật.
2. Chuyển nhượng cổ phần:
 - a. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:
 - (i) Cổ phần được quy định theo từng phương án phát hành cụ thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua; và
 - (ii) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

- b. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật và của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 17. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định của Công ty, Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi bằng 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước được công bố và áp dụng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 18. Mua lại cổ phần

1. Công ty thực hiện việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty phù hợp với quy định tại Điều 90, 92 của Luật Doanh nghiệp.
2. Công ty được quyền mua lại không quá 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông đã bán để làm cổ phiếu quỹ. Khoảng cách giữa lần mua và lần bán cổ phiếu quỹ gần nhất không dưới sáu (06) tháng, trừ trường hợp phân phối cho người lao động trong Công ty hoặc dùng làm cổ phiếu thưởng. Trường hợp dùng làm cổ phiếu thưởng cho người lao động phải đảm bảo có nguồn thanh toán từ quỹ phúc lợi, khen thưởng.

3. Công ty không được phép mua cổ phiếu quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Đang kinh doanh thua lỗ hoặc đang có nợ quá hạn;
 - b. Đang trong quá trình chào bán cổ phiếu để huy động thêm vốn;
 - c. Đang thực hiện tách gộp cổ phiếu; hoặc
 - d. Cổ phiếu của Công ty đang là đối tượng chào mua công khai.
4. Công ty chỉ được dùng nguồn lợi nhuận để lại, thặng dư vốn và các nguồn khác theo quy định của Pháp luật để mua cổ phiếu quỹ.
5. Công ty phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện mua cổ phiếu quỹ ba mươi (30) ngày và báo cáo UBCKNN về kết quả thực hiện sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày mua cổ phiếu quỹ được hoàn tất.
6. Khi thực hiện việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về báo cáo, công bố thông tin, thực hiện giao dịch.

Điều 19. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại

Công ty chỉ có quyền thanh toán cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 20. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
3. Các trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:
 - a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó;
 - b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba (03) năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Điều 21. Cổ đông của Công ty

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay thể nhân, sở hữu một hay nhiều cổ phần do Công ty phát hành.
2. Cổ đông sáng lập là các cổ đông được nêu cụ thể tại Khoản 4 của Điều này.
3. Cổ đông khác được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Công ty.
4. Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Stt	Tên giao dịch	Giấy CNĐKKD/ CMND	Địa chỉ trụ sở/nơi ở
1	Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đô Thị TP. HCM Người đại diện: Bà Ngô Kim Liên và Ông Hoàng Đình Thắng	Số 441/TC/TCNH do Bộ Tài Chính cấp ngày 19/06/1997	33 - 39 Pasteur, Quận 1, TP HCM
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) Người đại diện: Ông Nguyễn Tấn Thành	Số 0006/NH-GP cấp ngày 05/12/1991 tại TP Hà Nội	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP HCM
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (Habubank) Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Bảng	Giấy phép thành lập và hoạt động số 00020/NH-GP ngày 06/06/1992 do Thống đốc NHNN cấp	B7 Giảng Võ, phố Trần Huy Liệu, Ba Đình, TP Hà Nội
4	Công ty Tài chính Cổ phần Sài Gòn (SFC) Người đại diện: Ông Đỗ Công Chính	Số 059016 cấp ngày 16/06/1992 tại Sở KH-ĐT TP HCM	115-121 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM
5	Công ty Cổ phần Ngoại Thương & Phát triển Đầu tư Tp.HCM (Fideco) Người đại diện: Ông Mai Ngọc Yến	Số 059081 do Trọng Tài Kinh tế TP HCM cấp ngày 27/12/1993 (thay đổi lần thứ 13 tại Sở KH-ĐT TP HCM ngày 07/05/2002)	28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP HCM
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM (CIJ) Người đại diện: Ông Nguyễn Quyết Chiến	Số 4103000747 do Sở KH-ĐT TP HCM cấp ngày 24/12/2001 Sửa đổi lần 4: 15/11/2006	164 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình Quận 1, TP HCM
7	Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh (Vision & Associates) Người đại diện: Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Số 071846 cấp ngày 18/05/1999 tại Ủy ban nhân dân TP Hà Nội.	P.308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, TP Hà Nội và chi nhánh Tp. HCM tại P.1801, tầng 18, SaiGon Trade Center Building, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. HCM
8	Ông Đặng Thành Tâm (thể nhân)	Giấy CMND số 022756956 cấp ngày 25/02/1991 tại Công An TP HCM	6/35D, Bình Khánh 3, Phường Bình An, Quận 2, TP HCM

Điều 22. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

- b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
 - c. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - d. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; và
 - e. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- 3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do Công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
 - 4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và có thể được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký.
 - 5. Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần trở lên phải thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 23. Quyền của cổ đông

- 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;

- i. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty (kèm theo giấy uỷ quyền mới) trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
 - ii. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
 - iv. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
 - v. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền; và
 - vi. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
 - j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 4 Điều 38 và Khoản 4 Điều 50 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan) trong các trường hợp cụ thể sau:
 - i. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - ii. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này, và theo quy định của Pháp luật.

Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Điều lệ này và của Pháp luật;
3. Cung cấp bằng văn bản địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Công ty khi có thay đổi địa chỉ của mình;
4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
5. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty;
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật; và
7. Nghĩa vụ của Cổ đông lớn của Công ty: khi Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán, thì trong thời hạn bảy (07) ngày, hoặc một thời hạn khác theo quy định của Pháp luật, tùy từng thời điểm kể từ ngày trở thành cổ đông lớn của Công ty, người hoặc những người liên quan trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết. Việc báo cáo được thực hiện theo quy định của Pháp luật

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng Quản trị;
- c. Tổng Giám đốc; và
- d. Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ của Công ty đã bị giảm một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên theo quy định của Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc các Cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo phương thức sau:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 của Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 của Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội

đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan cấp phép thành lập và hoạt động giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 27. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- m. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy định khác của Công ty, và của Pháp luật.
3. Trừ các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều này phải được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các vấn đề còn lại quy định tại Khoản 2 điều này thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .
 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
 5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; và
 - d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại..

Điều 29. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 27 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 31 và Điều 33 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 26 của Điều lệ này.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông.
3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; và

- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, các tài liệu tại Điểm a Khoản 3 của Điều này.
4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, một (01) tờ báo trung ương hoặc một (01) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
5. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, nơi đăng ký kinh doanh chứng khoán của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày (03) làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 của Điều này trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 6 của Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 31. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 4 Điều 30 của Điều lệ này.

Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba (03) người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông

đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Trường hợp Hội đồng Quản trị triệu tập họp, Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng Quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Trường hợp đại hội không phải do Hội đồng Quản trị triệu tập họp, Chủ tọa sẽ do Người triệu tập đại hội lựa chọn và bầu ra.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị hoặc Người triệu tập đại hội khác khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Điều 33. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, nơi đăng ký kinh doanh chứng khoán của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng hoạt động kinh doanh chứng khoán, nơi đăng ký kinh doanh chứng khoán của Công ty;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua; và
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; và
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.
- 2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, nơi đăng ký kinh doanh chứng khoán của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

- d. Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các quyết định đã được thông qua; và
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật;
- 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý và tham gia điều hành kinh doanh trực tiếp của Công ty, nhưng phải đảm bảo tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không tham gia điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.
- 3. Thành viên của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- 4. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của

từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức thực hiện việc đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong một trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; hoặc
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 39. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - d. Bổ nhiệm và bãi nhiệm Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc chi nhánh và Kế toán trưởng của Công ty đồng thời quyết định mức lương của họ;
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - g. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con, công ty liên kết mà Công ty tham gia đóng góp vốn;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định ban hành, sửa đổi Quy chế Quản lý tài chính của Công ty theo từng thời điểm;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và đại diện pháp lý hay luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
 6. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
 7. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các nhóm chuyên môn của Hội đồng Quản trị (nếu có), hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các nhóm chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và
2. Là cổ đông cá nhân, đại diện của cổ đông pháp nhân hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác không phải là cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc chứng khoán.

Điều 41. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định

khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, Chủ tịch sẽ không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, mà các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán (1/2).
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 42. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng Quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng Quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và của các nhóm chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có) mà người chỉ định thành viên Hội đồng Quản trị thay thế đó là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định thành viên Hội đồng Quản trị thay thế đó không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty

không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng Quản trị thay thế, trong trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị thay thế đó không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định thành viên Hội đồng Quản trị thay thế đó không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ, thì việc chỉ định thành viên Hội đồng Quản trị thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo, có chữ ký hợp lệ của người chỉ định hoặc bãi miễn, hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn, và gửi cho Công ty.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng Quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình khi thực hiện các công việc của thành viên Hội đồng Quản trị đã chỉ định mình.

Điều 43. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Biên bản họp

1. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.
2. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau, thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số quá bán (1/2) để chọn ra một người trong số họ thực hiện quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị cho mục đích nêu tại Khoản 2 này.
3. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
4. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Có đề nghị của đa số thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ quản lý từ cấp Giám đốc hay tương đương trở lên ;
 - c. Hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc

d. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 4 của Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 4 của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Ngoài các trường hợp nêu tại Khoản 4 của Điều này, trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
8. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

9. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
10. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 của Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 của Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không

được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

- d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều a và b Khoản 4 Điều 53 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số quá bán (1/2) của các thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:
- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị; và

- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- 15. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên. Biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển biên bản. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.
- 16. Các nhóm chuyên môn của Hội đồng Quản trị: Tùy theo yêu cầu trong quản trị điều hành, Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các nhóm chuyên môn trực thuộc. Thành viên của các nhóm chuyên môn có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy quyền, các nhóm chuyên môn phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra.
- 17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của các nhóm chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), hoặc của người có tư cách thành viên nhóm chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của các nhóm chuyên môn hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Thành viên Hội đồng Quản trị gửi đơn bằng văn bản từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - e. Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên Hội đồng Quản trị đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- f. Thành viên Quản trị bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - g. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 2. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
 - 3. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ này, thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU' KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

- 1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị.
- 2. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, (các) Giám đốc chi nhánh và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 46. Cán bộ quản lý

- 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại Cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Ban Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những Cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 1. **Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm**
 - a. Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như được quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến quan hệ tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

- b. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế, khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc, nếu Tổng Giám đốc đồng thời là một thành viên Hội đồng Quản trị). Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
- c. Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này;
 - ii. Có đơn xin từ chức; hoặc
 - iii. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Nhiệm kỳ

Theo quy định Điều 41 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm, trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại Cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất;
- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; và
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và của Pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền;
- c. Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 79 của Luật Chứng khoán;
- d. Có thâm niên công tác ít nhất là ba (03) năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- e. Không phải là người hành nghề đã bị UBCKNN thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 80 của Luật Chứng khoán; và
- f. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hay doanh nghiệp khác, không được là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên của một công ty chứng khoán khác, làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác, làm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh.
- g. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng.

Điều 49. Thư ký Hội đồng Quản trị

- 1. Tùy theo yêu cầu quản trị và điều hành, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Hội đồng Quản trị với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng Quản trị khi cần

nhưng không trái với các quy định của Pháp luật về lao động. Quyền hạn và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Làm biên bản các cuộc họp;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
2. Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; số lượng thành viên cụ thể của Ban kiểm soát của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban.
3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử ba (03) thành viên; từ

50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;
 - c. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng; và
 - e. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; hoặc
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;

- e. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - g. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc của Công ty;
 - h. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
 - i. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý; và
 - j. Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và của Pháp luật.
2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Hội đồng Quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
 4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và được thể hiện trong báo cáo thường niên của Công ty. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 52. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các nhóm chuyên môn của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý, hoặc Những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý hoặc Những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng Quản trị đó, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát hoặc các Cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay các nhóm chuyên môn của Hội đồng Quản trị (nếu có) đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc các nhóm chuyên môn của Hội đồng Quản trị (nếu có). Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc các nhóm chuyên môn đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một nhóm chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc các công ty con hay công ty liên kết của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con hay công ty liên kết của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con hay công ty liên kết của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 55. Nghĩa vụ khác của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cán bộ quản lý

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về công ty mà họ và Những người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty; và
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 56. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với Những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được sự chấp thuận trước của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; và
 - c. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Các hợp đồng, giao dịch sẽ bị coi là vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật khi việc giao kết hoặc thực hiện chưa được sự chấp thuận trước của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, theo quy định tại Khoản 1 của Điều này và các quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 57. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác, với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu giữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ Công ty phải đồng thời được công bố trên website của Công ty

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 58. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc xây dựng quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động để Hội đồng Quản trị thông qua cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIII. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ

Điều 59. Điều khoản chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên, các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 60. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Theo quy định của Pháp luật, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 61. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Điều 62. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**Điều 63. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 64. Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản để trích lập các quỹ sau:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 100% (một trăm phần trăm) của Vốn điều lệ của Công ty.
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% (năm phần trăm) lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% (mười phần trăm) của Vốn điều lệ;
 - c. Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán;
 - d. Quỹ khen thưởng, phúc lợi; và
 - e. Các quỹ khác theo quy định của Pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 65. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 66. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho Công ty chứng

khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 67. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của UBCKNN và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con, công ty liên kết, vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của UBCKNN và nộp cho UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Đồng thời, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 68. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của UBCKNN và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 69. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCKNN chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, theo giấy mời họp của Công ty, và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 70. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật

CHƯƠNG XVIII. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ

Điều 71. Tổ chức lại Công ty

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải được sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 72. Tổ tụng tranh chấp

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp.
2. Công ty tôn trọng và chấp hành các chế tài của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác của Pháp luật.

Điều 73. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ;
 - c. Công ty bị UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; hoặc
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
2. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện và phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 74. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông

Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 72 nói trên, và trừ khi Điều lệ này có quy định khác, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên một nửa (1/2) số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà án có thẩm quyền để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động;
- 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
- 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 75. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

Điều 76. Thanh lý

- 1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);

- e. Các khoản nợ khác của Công ty; và
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 77. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các quy định khác của Pháp luật, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hay một thành viên của các cơ quan nói trên.
2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp, và việc chỉ định này sẽ phải được báo cáo tới cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng hai (02) tháng từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án sẽ được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 79. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm XXI chương 79 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 03/2009/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2009.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; và
 - c. Bốn (04) bản được lưu giữ tại Trụ sở của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2009, theo Nghị quyết số 03/2009/NQ-ĐHĐCĐ nói trên.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



JOHAN NYVENE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: ĐỖ HÙNG VIỆT
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 10 tháng 10 năm 1954
Nơi sinh	: Sài Gòn
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 024097658 cấp ngày 11/04/2003 tại CA TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 239 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 239 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 3823 3299
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - Khoa Ngân hàng
Quá trình công tác	
04/2011-nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
2006-04/2011	: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
2003-2006	: Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
1998-2002	: Trưởng phòng các nguồn vốn ủy thác HIFU
Chức vụ hiện nay	
	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP HCM
	Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán VN
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 86.625 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: Con ruột là Đỗ Trí Đức nắm giữ 200 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: không
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc
TỔNG GIÁM ĐỐC



Johan Nyrene

Người khai

ĐỖ HÙNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: NGUYỄN THANH LIÊM
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 17 tháng 02 năm 1958
Nơi sinh	: Xã An Hội, Quận TrúC Giang, Tỉnh Bến Tre
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 020829128 cấp ngày 05/12/2007 tại CA TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 684/34 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 684/34 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 38214 244
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
2010-nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC)
2007-2009	: Phó Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU)
2005-2006	: Giám đốc Trung tâm Thẩm định giá và bán đấu giá tài sản
1994- 2004	: Trưởng phòng Công sản và Trưởng phòng Ngân sách Sở Tài chính
Chức vụ hiện nay	
Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC)	
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 12.600.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: không
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc

CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Hùng Việt

Người khai

NGUYỄN THANH LIÊM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: LÊ ANH MINH
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 25 tháng 12 năm 1969
Nơi sinh	: Sài Gòn
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 022382871 cấp ngày 13/03/2008 tại CA. TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 101/18 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 351/1C Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 3823 9355
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cao học Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
2010-nay	: Phó Tổng Giám Đốc – Phụ trách Tài chính (CFO) Dragon Capital Group (DCG)
2002-2010	: Giám Đốc Dragon Capital Markets Limited (DC)
1998-2002	: Giám Đốc Tài chính Coca – Cola SEA
1993-1996	: Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đại Nam
1991-1993	: Giám đốc Dự án Peregrine Capital Việt Nam
Chức vụ hiện nay	
Phó Tổng Giám Đốc – Phụ trách Tài chính (CFO) Dragon Capital Group (DCG)	
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	
Số cổ phần nắm giữ:	
Sở hữu cá nhân	: 21.105 cổ phần
Đại diện sở hữu Dragon Capital	: 9.427.320 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Các khoản nợ đối với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc


CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Hùng Việt

Người khai



LÊ ANH MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: HOÀNG ĐÌNH THẮNG
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 13 tháng 01 năm 1962
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 022777118 cấp ngày 27/04/2005 tại CA. TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 557/T4 Nguyễn Tri Phương, P.14, Q.10, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 557/T4 Nguyễn Tri Phương, P14, Q.10, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: 8 38 214 244
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ kinh tế
Quá trình công tác	
2003-nay	: Trưởng phòng Kế hoạch HFIC
1997-2003	: Phó phòng Kế hoạch HIFU
1993-1997	: Chuyên viên đầu tư Công ty IMC
1990-1993	: Phó Phòng đầu tư LIKSIN
Chức vụ hiện nay	
Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC)	
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh	
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
Đại diện sở hữu HFIC	: 5.400.000 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Các khoản nợ đối với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc



Người khai

HOÀNG ĐÌNH THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: JOHAN NYVENE
Giới tính	: Nam
Ngày, tháng, năm sinh	: 29 tháng 06 năm 1965
Nơi sinh	: Sài Gòn
Quốc tịch	: USA
Dân tộc	: Kinh
Số hộ chiếu	: 461756487 cấp ngày 18/08/2009 tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ
Nơi thường trú	: 43, Đường số 2, Khu Nam Phú, Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP HCM
Chỗ ở hiện tại	: 43, Đường số 2, Khu Nam Phú, Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 3823 3299
Trình độ văn hoá	: Cử nhân
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác	
05/2007-nay	: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
2005-2007	: Giám Đốc Chi nhánh ngân hàng HSBC tại Hà Nội.
1998-2005	: Giám Đốc Nghiệp vụ Tài chính Toàn cầu, Ngân hàng HSBC Việt Nam tại TP.HCM
1990- 1998	: Giám Đốc Nghiệp vụ Ngân hàng Quốc tế Corestates First Union Bank, Philadelphia, USA
Chức vụ hiện nay	
	Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 135.200 cổ phần
Đại diện sở hữu Dragon Capital	: 9.427.320 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc

CHỦ TỊCH HĐQT



Người khai

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Johan Nyvene".

JOHAN NYVENE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên : **PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC**
Giới tính : Nam
Sinh ngày : 13 tháng 08 năm 1961
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số chứng minh thư nhân dân : 010160129 cấp ngày 06/01/2004 tại CA. TP Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 33 Ngách 6/14, Đội Nhân, Q.Ba Đình, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại : 33 Ngách 6/14, Đội Nhân, Q.Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại cơ quan : (04) 3934 0629
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật
Quá trình công tác
1999-nay : Tổng Giám Đốc Công ty Vision & Associates
1989-1999 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty InvesConsult
Chức vụ hiện nay
Tổng Giám đốc Công ty Vision & Associates
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hường
Số cổ phần nắm giữ
Sở hữu cá nhân : 378.324 cổ phần
Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Những người có liên quan : Anh ruột là Phạm Nghiêm Xuân Bình nắm giữ 19 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không
Các khoản nợ đối với công ty : không
Lợi ích liên quan đối với công ty : không
Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc



Người khai


PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: TRỊNH HOÀI GIANG
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 28 tháng 01 năm 1969
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 022044210 cấp ngày 02/12/2008 tại TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 43/11 Trần Hữu Trang, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 43/11 Trần Hữu Trang, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 38 233 299
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
05/2007-nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
2005-04/2007	: Giám đốc Nghiệp vụ Dragon Capital Markets Limited
2003-2005	: Học MBA tại Hoa Kỳ
2001-2003	: Chuyên viên tín dụng NH Vietcombank
1994-2001	: Chuyên viên quản lý vốn & kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng Vietcombank
Chức vụ hiện nay	
	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP HCM
	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
	Ủy viên HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco
	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 95.825 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: Em ruột là Trịnh Hoài Nam nắm giữ 3 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: VÕ VĂN CHÂU
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 11 tháng 12 năm 1953
Nơi sinh	: Vĩnh Long
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 020588185 cấp ngày 10/02/2006 tại CA. TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 18/4 Thích Quảng Đức, Phường 5, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 18/4 Thích Quảng Đức, P.5, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại	: 0918 261 009
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
08/2009 – nay	: Cố vấn Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Đại Tín
2002- 05/2009	: Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông
1993-2002	: Giám Đốc Chi Nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu
1986-1992	: Cán bộ Sở Lao Động TBXH TP.HCM
1979-1986	: Giảng viên trường Đại học Kinh tế TP.HCM
Chức vụ hiện nay	
Cố vấn Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Đại Tín	
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 28.315 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Các khoản nợ đối với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc

CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Hùng Việt

Người khai

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Võ Văn Châu".

VÕ VĂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Giới tính	: Nữ
Sinh ngày	: 03 tháng 06 năm 1954
Nơi sinh	: Long An
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 020748624 cấp ngày 21/05/1997 tại CA. TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 347/157 Lê Đại Hành, P.13, Q.11, TP HCM
Chỗ ở hiện tại	: 134 Quốc Lộ 1-An Phú Tây – Bình Chánh, TP.HCM
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - Khoa Ngân hàng
Quá trình công tác	
2003-nay	: Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty Thiên Phú
1996-2003	: Phó Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng CP VP Bank
1977-1980	: Kế toán trưởng NHNN tại Long An và Ngoại Thương
Chức vụ hiện nay	
	Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Thiên Phú
	Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 47.139 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Các khoản nợ đối với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc
CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Hùng Việt

Người khai

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: ĐOÀN VĂN HÌNH
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 16 tháng 05 năm 1953
Nơi sinh	: Huế
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 020561861 cấp ngày 07/01/2002 tại CA. TP HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 136bis/8 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 136bis/8 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 3836 0143
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
10/2007-nay	: Giám đốc tài chính CTCP Đầu tư- Phát triển Sài Gòn Co-op
1997-10/2007	: Kế toán trưởng Liên Hiệp HTX Thương Mại TP.HCM
1990-1995	: Kế toán trưởng Công ty xuất nhập khẩu & đầu tư Chợ Lớn
1983-1990	: Kế toán trưởng Công ty Tổng hợp thương nghiệp HTX Q.5
Chức vụ hiện nay	
	Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư- Phát triển Sài Gòn Co-op
	Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 2.250 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc



Đỗ Hùng Việt

Người khai

A blue ink signature, likely belonging to Đoàn Văn Hình.

ĐOÀN VĂN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: TRỊNH HOÀI GIANG
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 28 tháng 01 năm 1969
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 022044210 cấp ngày 02/12/2008 tại TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 43/11 Trần Hữu Trang, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 43/11 Trần Hữu Trang, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 38 233 299
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
05/2007-nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
2005-04/2007	: Giám đốc Nghiệp vụ Dragon Capital Markets Limited
2003-2005	: Học MBA tại Hoa Kỳ
2001-2003	: Chuyên viên tín dụng NH Vietcombank
1994-2001	: Chuyên viên quản lý vốn & kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng Vietcombank
Chức vụ hiện nay	
	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP HCM
	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
	Ủy viên HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco
	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 95.825 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: Em ruột là Trịnh Hoài Nam nắm giữ 3 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không

Các khoản nợ đối với công ty : không

Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc


CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Hùng Việt

Người khai



TRỊNH HOÀI GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên	: PHẠM MINH PHƯƠNG
Giới tính	: Nam
Sinh ngày	: 23 tháng 10 năm 1973
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 022792488 cấp ngày 13/09/2008 tại CA. TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 88D Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 88D Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	: (08) 38 233 299
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ
Quá trình công tác	
2006-nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
2003-2006	: Phó Trưởng phòng Đầu tư Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM
1996-1998	: Nhân viên kinh doanh Cty TM kỹ thuật & đầu tư - PETEC
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán TP.HCM
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 83.145 cổ phần
Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Những người có liên quan	: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: không
Các khoản nợ đối với công ty	: không
Lợi ích liên quan đối với công ty	: không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc
CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Hùng Việt

Người khai

PHẠM MINH PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên : **LÂM HỮU HỒ**
Giới tính : Nam
Sinh ngày : 25 tháng 07 năm 1974
Nơi sinh : Sài Gòn
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số chứng minh thư nhân dân : 022661078 cấp ngày 27/09/2001 tại CA. TP HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 224/11/2 Phạm Văn Chí, P.4, Q.6, TP HCM
Chỗ ở hiện tại : 224/11/2 Phạm Văn Chí, P.4, Q.6, TP HCM
Điện thoại cơ quan : (08) 3823 3299
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác
2007-nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chứng khoán TP HCM
2003-2007 : Nhân viên Công ty Dầu thực vật Cái Lân
1996-2003 : Nhân viên Công ty kiểm toán KPMG Việt Nam
Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chứng khoán TP HCM
Số cổ phần nắm giữ
Sở hữu cá nhân : 55.250 cổ phần
Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Những người có liên quan : không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không
Các khoản nợ đối với công ty : không
Lợi ích liên quan đối với công ty : không

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nói trên.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc

CHỦ TỊCH HĐQT



Người khai

LÂM HỮU HỒ